

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 989 /PA-PCTA

Đĩ An, ngày 04 tháng 4 năm 2026

PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ

DỰ ÁN : HOÀN THIỆN, PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN TRUNG
HẠ THỂ VÀ TRẠM BIẾN THỂ PHƯỜNG DĨ AN
NĂM 2027

KẾ HOẠCH : ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 2027

ĐỊA CHỈ XÂY DỰNG : PHƯỜNG DĨ AN

NGƯỜI LẬP : PHAN TRƯỜNG HUY 

NGƯỜI KIỂM TRA : LẠI VĂN HOÀNG 



Đặng Hoài Bắc

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ

Dự án: Hoàn thiện, phát triển lưới điện trung hạ thế và trạm biến thế phường Dĩ An năm 2027

1. Các căn cứ:

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí ĐTXD;

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/4/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV;

Quyết định số 5791/QĐ-EVNHCMC ngày 04/11/2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành suất vốn đầu tư công trình đường dây trung thế nổi áp dụng chung trong nội bộ Tổng công ty;

Công văn số 3791/EVNHCMC-KT ngày 14/10/2024 của Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng bộ thiết trí lưới điện phân phối;

Quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 07/01/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định hướng dẫn phân cấp trong các dự án đầu tư xây dựng, trang bị tài sản cố định, ứng dụng công nghệ thông tin trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 72/QĐ-HĐTV ngày 31/5/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế về công tác kế hoạch áp dụng trong Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 2571/QĐ-EVNHCMC ngày 30/5/2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy trình xây dựng định mức – đơn giá áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 5788/QĐ-EVNHCMC ngày 04/11/2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về công tác thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp 35kV trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Mục đích đầu tư :

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng điện thấp sáng sinh hoạt cho nhân dân, đồng thời phục vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phường Dĩ An trong giai đoạn tới.
- Giải quyết quá tải các lộ ra hiện hữu tại các khu vực dân cư đang phát triển, đang đô thị hóa.
- Đảm bảo điện áp cấp điện cho các khu vực xa trạm biến thế, nâng cao chất lượng cung cấp điện và giảm tổn thất điện năng.
- Hiện đại hóa lưới điện khu vực đảm bảo an toàn trong vận hành cũng như sử dụng điện, nâng cao độ tin cậy trong cung cấp điện, cải thiện chất lượng điện năng, đảm bảo tổn thất điện năng trong quy định.
- Không để xảy ra sự cố máy biến thế do chủ quan, nhất là do quá tải trạm nhằm đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu sự cố máy biến thế do Tổng Công Ty giao cũng như giảm tối đa chi phí sửa chữa máy biến thế sự cố.
- Đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu tổn thất lưới phân phối hạ thế do Tổng Công Ty giao.
- Chuẩn hóa trạm biến thế 3 pha công suất máy biến thế: 3x100kVA, 1x250kVA, 1x400kVA, 1x560kVA; xử lý quá tải cục bộ của các trạm biến thế trong khu vực nhằm giảm tối đa thời gian ngưng cung cấp điện.
- Cải tạo lưới hạ thế vận hành lâu năm, phòng chống nguy cơ cháy nổ, vận hành mất an toàn.
- Cân đối phụ tải giữa các khu vực quá tải, non tải, đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, giảm thiểu tổn thất điện năng và nâng cao chất lượng điện năng.
- Đảm bảo trạm và lưới hạ thế công cộng đáp ứng được phụ tải gia tăng trong giai đoạn 2026 – 2030.
- Giảm bán kính phân phối của trạm hạ thế có bán kính lưới lớn hơn 250 mét nhằm giảm tổn thất trên lưới hạ thế dưới 5%.

3. Hiện trạng lưới điện:

- Lưới điện trung thế và trạm biến thế 1 pha, 2 pha công suất nhỏ (10, 15, 25, 37,5 kVA); cấp điện cho 1 tuyến đường rộng với bán kính cấp điện lớn hơn 300m.
- Trạm công cộng đang bị đầy/quá tải do nhu cầu sử dụng điện tăng cao, đặc biệt trong mùa nắng nóng;
- Bảo vệ hạ thế sử dụng 1 MCCB tổng bảo vệ cho nhiều lộ ra hạ thế, số lộ ra hạ thế tương ứng công suất MBT không phù hợp thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp 35kV trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5788/QĐ-EVNHCMC ngày 04/11/2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lưới điện hạ thế sử dụng cáp nhôm rời nhiều tiết điện (AV50, AV 70, AV95, AC 120); lưới hạ thế 1 pha; lưới hạ thế vận hành quá tải không đảm bảo cao độ so với mặt đường và vỉa hè hiện hữu.
- Bán kính cung cấp rộng, số lượng khách hàng sử dụng điện nhiều (vượt hơn 300 KH/TBA), nhu cầu phát triển phụ tải gia tăng nguy cơ các trạm biến thế trong tương lai sẽ quá tải, sự cố máy biến thế ảnh hưởng cấp điện liên tục khách hàng.
- Trụ điện sử dụng nhiều chủng loại, trụ điện cong nghiêng không đảm bảo vận hành an toàn.
- Do đặc thù địa bàn trước đây công tơ được lắp tại nhà dân với số lượng lớn, nhiều nhánh dây branchment đã xuống cấp không đảm bảo vận hành an toàn.
- Dây branchment kéo băng đường, băng chuyền, bị tróc vỏ, lão hóa cách điện không đảm bảo vận hành an toàn và mỹ quan đô thị.
- Hộp phân phối điện kế lắp đặt tại trụ đa phần là các hộp 2,4 điện kế (sử dụng 1 pha – 1 trung tính), gây lệch pha lưới điện trung, hạ thế, trạm biến áp phân phối, không đảm bảo vận hành tối ưu và các chỉ tiêu về tổn thất.
- Hộp phân phối điện kế lắp đặt tại trụ lão hóa, hư hỏng; cáp đấu nối từ lưới hạ thế đến hộp phân phối điện kế hư hỏng cách điện, nhiều nối mối không đáp ứng vận hành an toàn.

Danh sách trạm biến áp 1 pha, 2 pha và 3 pha công suất nhỏ vận hành đầy tải, quá tải như sau:

STT	ID TRẠM	Tên TBA	Công suất 1 (KVA)	Công suất 2 (KVA)	Số Khách hàng	Tải max (A)	% tải max
1	040303035	56B POMINA TAN LONG	2*50	100	36	161	111%
2	040301246	KDC AN PHU MO RONG	2*50	100	41	170	117%
3	040303641	KDC AN PHU MO RONG 2	50	50	30	156	215%
4	040301306	KHU NHÀ O TAN DONG HIEP 2	3*25	75	41	124	114%
5	040201888	TT Dapark	1*50+1*25	75	21	112	103%
6	040201404	Tân Ninh 2	25+75	100	26	165	114%

STT	ID TRẠM	Tên TBA	Công suất 1 (KVA)	Công suất 2 (KVA)	Số Khách hàng	Tải max (A)	% tải max
7	040201377	TT Areco	50	50	17	150	207%
8	040201115	Thái Bình 3	37,5+2*50	137,5	37	175	88%
9	040202113	TT Đường số 10 T2	2*25+37,5	87,5	27	147	116%
10	040201708	INTERNET 182	100	100	85	140	97%
11	040201909	Nguyễn Thị Thành Thiện	3*50	150	88	221	102%
12	040202280	Khu nhà ở TM đường sắt GD 2 trạm 1	100	100	37	158	109%
13	040202593	Tầng Nữ 2	3*25	75	19	117	108%
14	040202673	Ngã 3 Cây Diệp 2	75	75	31	112	103%
15	040202702	Ngã 3 Cây Diệp 3	50	50	13	100	138%

Danh sách trạm biến thế có lưới hạ thế vận hành quá tải đây, sử dụng lưới điện hạ thế rời nhiều tiết điện, bị hỏa hóa cách điện; hộp phân phối điện kế hư hỏng; dây mắc điện bằng đường, nhiều mối nối, hỏa hóa cách điện:

Stt	ID trạm	Tên trạm	Công suất	S.lượng MCCB bảo vệ hạ thế trạm	Dòng định mức MCCB bảo vệ TBT (A)	Số lộ ra hiện hữu	Năm vận hành	Tải trạm
1	040301240	KDC AN PHU	400,0	1	600	2	2018	106,2%
2	040303424	KHU NHA O TAN DONG HIEP 3	160,0	1	250	1	2010	81,3%
3	040201573	Võ Văn Hai	400,0	1	600	2	2002	95,0%
4	040201854	Khu TĐC Tân Đông Hiệp T3	160,0	1	250	1	2011	75,0%
5	040201397	Tân Bình 1	400,0	1	600	2	2012	90,0%
6	040201405	Tân Phú	2*50+75	1	400	1	2016	30,5%
7	040201238	Ngã 3 Liên Hợp	560,0	1	800	3	2012	80,8%
8	040201463	Hồ Văn Bằng	560,0	1	800	3	2017	76,2%
9	040200158	An Bình 2	560,0	1	800	3	2005	47,6%
10	040201020	Cầu Gió Bay 2	630,0	1	800	3	1996	68,3%
11	040200159	An Bình 3B	560,0	1	800	3	2005	83,3%
12	040201082	KDC Bình Đường 1	630,0	1	800	3	2005	48,7%
13	040201083	KDC Bình Đường 2	400,0	1	600	2	2004	40,8%
14	040201084	KDC Bình Đường 3	630,0	1	800	3	2003	69,8%
15	040201071	KDC 2 Sóng Thần 2	560,0	1	800	3	2002	67,9%
16	040201538	TTND Trường Học Dĩ An	400,0	1	600	2	2012	88,3%
17	040200216	Cao Văn Năng	250,0	1	400	2	2004	98,0%
18	040200162	An Ninh Tự	250,0	1	400	2	2002	120,0%
19	040201620	Bia Liệt Sĩ	400,0	1	600	2	2002	113,3%
20	040201240	Ngã 3 Cây Thị	250,0	1	400	2	2004	55,5%
21	040201169	Khu phố Nhị Đồng	320,0	1	500	2	2007	73,5%
22	040200224	Cây Me	3*50	1	400	1	2002	64,4%

Stt	ID trạm	Tên trạm	Công suất	S.lượng MCCB bảo vệ hạ thế trạm	Dòng định mức MCCB bảo vệ TBT (A)	Số lộ ra hiện hữu	Năm vận hành	Tải trạm
23	040201614	Xóm Nhang	400,0	1	600	2	2012	62,5%
24	040200188	Bình Đường 4	560,0	1	800	3	2012	47,6%
25	040200186	Bình Đường 3	560,0	1	800	3	2000	79,8%
26	040201118	TT Nguyễn Trung Trục 2	3*100	1	500	3	2002	82,0%
27	040201566	Vinh Thái Bình 1	3*50	1	400	1	2004	86,7%
28	040201567	Vinh Thái Bình 2	3*50	1	400	1	2004	66,7%
29	040201565	Vinh Thái Bình 6	250,0	1	400	2	2008	56,0%
30	040201672	Miêu Chiêu Liêu 2	3*50	1	400	1	2008	90,7%
31	040201581	Vũ Thị Hồng Tươi	3*75	1	400	1	2008	85,9%
32	040200028	KD TDV-TM Sóng Thần (khu b)	320,0	1	500	2	2010	99,0%
33	040200007	Khu Gia đình Quân Đoàn 4 (khu nhà ở TTCNV Nicotex)	250,0	1	400	2	2004	92,0%
34	040201231	Ngã 3 Sân Banh	3*50	1	400	1	2008	84,4%
35	040201544	TTND ấp Tân Long	400,0	1	600	2	2011	72,0%
36	040201356	Sáu Mẫu 3	560,0	1	800	3	2008	69,0%
37	040200079	Khu C Đông An 2	400,0	1	600	2	2000	81,3%
38	040200131	TT Tây Hồ	250,0	1	400	2	2004	88,0%
39	040201637	Sáu Mẫu 4	400,0	1	600	2	2008	81,8%

4. Đặc điểm chính của công trình:

Công trình: “Hoàn thiện, phát triển lưới điện trung hạ thế và trạm biến thế phường Dĩ An năm 2027” sẽ thực hiện:

- TCCS các trạm biến thế 1P, 2P và 3P có kết cấu trạm treo sử dụng MBT 1 pha công suất nhỏ (25; 37.5, 50, 75kVA) nhằm xử lý tình trạng đang vận hành đầy, quá tải; cắt lưới chia tải tối đa hóa bán kính lưới điện hạ thế của các trạm hiện hữu, đáp ứng được phụ tải gia tăng.
- Cải tạo lưới trung thế 1 pha, 2 pha thành lưới trung thế 3 pha được bọc hóa đúng cấp điện áp đang vận hành.
- Cải tạo lưới hạ thế hiện hữu và tăng cường lộ ra lưới điện hạ thế giảm bán kính lưới cho các trạm hiện hữu, hạn chế sự cố do quá tải mất gây điện diện rộng cho khách hàng;
- Cải tạo các tủ điện sử dụng 01 MCCB tổng thành tủ điện tổng sử dụng vật liệu vật liệu composite làm vỏ; 01 MCCB tổng + các MCCB lộ ra phù hợp công suất TBT đang vận hành, TCCS.

- Xây dựng mới lưới điện hạ thế sử dụng cáp nhôm xoắn ABC xử lý các nhánh dây mắc điện bằng chuyên, bằng đường không đảm bảo an toàn; thay thế, trồng mới trụ điện bê tông ly tâm theo đúng tiêu chuẩn.

- Cải tạo và thay thế các branchment không đảm bảo tiêu chuẩn vận hành an toàn.

- Cải tạo và thay thế các hộp phân phối điện kế lắp đặt tại trụ lão hóa, hư hỏng;

- Thay với dây dẫn từ lưới hạ thế đến hộp phân phối điện kế hư hỏng cách điện, nhiều nối mối bằng cáp muller.

Phụ tải TBT XDM, TCCS và TBT cộng cộng sau khi công trình vào vận hành:

STT	ID TRẠM	Tên TBT XDM TCCS	XDM hoặc TCCS	Công suất (KVA)	Tải max (A) (tăng 10%)	% tải max	Kết cấu
1	040303035	56B POMINA TAN LONG	TCCS	250	161	43%	Trụ ghép
2	040301246	KDC AN PHU MO RONG	TCCS	250	170	45%	Trụ ghép
3	040303641	KDC AN PHU MO RONG 2	TCCS	250	156	42%	Trụ ghép
4	040301306	KHU NHA O TAN DONG HIEP 2	TCCS	250	124	33%	Trụ ghép
5	040201888	TT Dapark	TCCS	250	112	30%	Trụ ghép
6	040201404	Tân Ninh 2	TCCS	250	165	44%	Trụ ghép
7	040201377	TT Areco	TCCS	250	150	40%	Trụ ghép
8	040201115	Thái Bình 3	TCCS	250	175	47%	Trụ ghép
9	040202113	TT Đường số 10 T2	TCCS	250	147	39%	Trụ ghép
10	040201708	INTERNET 182	TCCS	250	140	37%	Trụ ghép
11	040201909	Nguyễn Thị Thành Thiện	TCCS	250	221	59%	Trụ ghép
12	040202280	Khu nhà ở TM đường sắt GD 2 trạm 1	TCCS	250	158	42%	Trụ ghép
13	040202593	Tầng Nữ 2	TCCS	250	117	31%	Trụ ghép
14	040202673	Ngã 3 Cây Điệp 2	TCCS	250	112	30%	Trụ ghép
15	040202702	Ngã 3 Cây Điệp 3	TCCS	250	100	27%	Trụ ghép

Khối lượng lưới hạ thế TBT thực hiện cải tạo và hoàn thiện:

Stt	ID trạm	Trạm biến thế	Công suất	Lưới hạ thế nổi								
				Thùng tủ điện tổng (1 MCCB 3P 600A + 4 MCCB 3P 300A)	Thùng tủ điện tổng (1 MCCB 3P 800A + 4 MCCB 3P 300A)	ABC-4x95mm ²	Cáp Duplex lõi đồng 2x10mm ² -0,6kV	Hộp domino đầu trụ 6 cực	Cáp đồng bọc 50mm ² -0,6kV	Hộp composite 6 công tơ 1 pha ngoài trời + phụ kiện	Cáp Muller lõi đồng 3x25+1x16mm ² -0,6kV	Nối IPC 95-35
				Thùng	Thùng	Km	m	bộ	m	bộ	m	cái
		Tổng cộng		28.00	11.00	46.00	17,319.00	650.00	2,600.00	650.00	2,600.00	2,600.00
1	040303035	56B POMINA TAN LONG	250			0.8	293	11	44	11	44	44

Stt	ID trạm	Trạm biến thế	Công suất	Lưới hạ thế nổi								
				Thùng tủ điện tổng (1 MCCB 3P 600A + 4 MCCB 3P 300A)	Thùng tủ điện tổng (1 MCCB 3P 800A + 4 MCCB 3P 300A)	ABC-4x95mm ²	Cáp Duplex lõi đồng 2x10mm ² -0,6kV	Hộp domino đầu trụ 6 cực	Cáp đồng bọc 50mm ² -0,6kV	Hộp composite 6 công tơ 1 pha ngoài trời + phụ kiện	Cáp Muller lõi đồng 3x25+1x16mm ² -0,6kV	Nối IPC 95-35
				Thùng	Thùng	Km	m	bộ	m	bộ	m	cái
2	040301246	KDC AN PHU MO RONG	250			0.8	293	11	44	11	44	44
3	040303641	KDC AN PHU MO RONG 2	250			0.8	293	11	44	11	44	44
4	040301306	KHU NHÀ O TAN DONG HIEP 2	250			0.8	293	11	44	11	44	44
5	040201888	TT Dapark	250			0.8	293	11	44	11	44	44
6	040201404	Tân Ninh 2	250			0.8	293	11	44	11	44	44
7	040201377	TT Areco	250			0.8	293	11	44	11	44	44
8	040201115	Thái Bình 3	250			0.8	293	11	44	11	44	44
9	040202113	TT Đường số 10 T2	250			0.8	293	11	44	11	44	44
10	040201708	INTERNET 182	250			0.8	293	11	44	11	44	44
11	040201909	Nguyễn Thị Thành Thiện	250			0.8	293	11	44	11	44	44
12	040202280	Khu nhà ở TM đường sắt GD 2 trạm 1	250			0.8	293	11	44	11	44	44
13	040202593	Tầng Nữ 2	250			0.8	293	11	44	11	44	44
14	040202673	Ngã 3 Cây Diệp 2	250			0.8	293	11	44	11	44	44
15	040202702	Ngã 3 Cây Diệp 3	250			0.8	293	11	44	11	44	44
16	040301240	KDC AN PHU	400,00	1		1	373	14	56	14	56	56
17	040303424	KHU NHÀ O TAN DONG HIEP 3	160,00	1		0.5	187	7	28	7	28	28
18	040201573	Võ Văn Hai	400,00	1		1	373	14	56	14	56	56
19	040201854	Khu TĐC Tân Đông Hiệp T3	160,00	1		0.5	187	7	28	7	28	28
20	040201397	Tân Bình 1	400,00	1		1	373	14	56	14	56	56
21	040201405	Tân Phú	2*50+75	1		0.4	160	6	24	6	24	24
22	040201238	Ngã 3 Liên Hợp	560,00		1	1.2	453	17	68	17	68	68
23	040201463	Hồ Văn Bằng	560,00		1	1.2	453	17	68	17	68	68
24	040200158	An Bình 2	560,00		1	1.2	453	17	68	17	68	68
25	040201020	Cầu Giỏ Bay 2	630,00		1	1.2	453	17	68	17	68	68
26	040200159	An Bình 3B	560,00		1	1.2	453	17	68	17	68	68
27	040201082	KDC Bình Đường 1	630,00		1	1.2	453	17	68	17	68	68
28	040201083	KDC Bình Đường 2	400,00	1		1	373	14	56	14	56	56
29	040201084	KDC Bình Đường 3	630,00		1	1.2	453	17	68	17	68	68
30	040201071	KDC 2 Sóng Thần 2	560,00		1	1.2	453	17	68	17	68	68
31	040201538	TTND Trường Học Dĩ An	400,00	1		1	373	14	56	14	56	56

Stt	ID trạm	Trạm biến thế	Công suất	Lưới hạ thế nổi								
				Thùng tủ điện tổng (1 MCCB 3P 600A + 4 MCCB 3P 300A)	Thùng tủ điện tổng (1 MCCB 3P 800A + 4 MCCB 3P 300A)	ABC-4x95mm ²	Cáp Duplex lõi đồng 2x10mm ² -0,6kV	Hộp domino đầu trụ 6 cực	Cáp đồng bọc 50mm ² -0,6kV	Hộp composite 6 công tơ 1 pha ngoài trời + phụ kiện	Cáp Muller lõi đồng 3x25+1x16mm ² -0,6kV	Nối IPC 95-35
				Thùng	Thùng	Km	m	bộ	m	bộ	m	cái
32	040200216	Cao Văn Năng	250,00	1		0.75	293	11	44	11	44	44
33	040200162	An Ninh Tự	250,00	1		0.75	293	11	44	11	44	44
34	040201620	Bia Liệt Sĩ	400,00	1		1	373	14	56	14	56	56
35	040201240	Ngã 3 Cây Thị	250,00	1		0.75	293	11	44	11	44	44
36	040201169	Khu phố Nhị Đồng	320,00	1		0.75	293	11	44	11	44	44
37	040200224	Cây Me	3*50	1		0.4	160	6	24	6	24	24
38	040201614	Xóm Nhạng	400,00	1		1	373	14	56	14	56	56
39	040200188	Bình Đường 4	560,00		1	1.2	453	17	68	17	68	68
40	040200186	Bình Đường 3	560,00		1	1.2	453	17	68	17	68	68
41	040201118	TT Nguyễn Trung Trục 2	3*100	1		1	373	14	56	14	56	56
42	040201566	Vinh Thái Bình 1	3*50	1		0.4	160	6	24	6	24	24
43	040201567	Vinh Thái Bình 2	3*50	1		0.4	160	6	24	6	24	24
44	040201565	Vinh Thái Bình 6	250,00	1		0.75	293	11	44	11	44	44
45	040201672	Miêu Chiêu Liêu 2	3*50	1		0.4	160	6	24	6	24	24
46	040201581	Vũ Thị Hồng Tươi	3*75	1		0.4	160	6	24	6	24	24
47	040200028	KD TDV-TM Sóng Thần (khu b)	320,00	1		0.75	293	11	44	11	44	44
48	040200007	Khu Gia đình Quân Đoàn 4 (khu nhà ở TTCNV Nicotex)	250,00	1		0.75	293	11	44	11	44	44
49	040201231	Ngã 3 Sân Banh	3*50	1		0.4	160	6	24	6	24	24
50	040201544	TTND ấp Tân Long	400,00	1		1	373	14	56	14	56	56
51	040201356	Sáu Mẫu 3	560,00		1	1.2	453	17	68	17	68	68
52	040200079	Khu C Đông An 2	400,00	1		1	373	14	56	14	56	56
53	040200131	TT Tây Hồ	250,00	1		0.75	293	11	44	11	44	44
54	040201637	Sáu Mẫu 4	400,00	1		1	373	14	56	14	56	56

5. Qui mô và đặc điểm dự án:

5.1 Giải pháp kỹ thuật đề xuất:

- TCCS các trạm biến thế 1P, 2P và 3P có kết cấu trạm treo sử dụng MBT 1 pha công suất nhỏ (25; 37.5, 50, 75kVA) nhằm xử lý tình trạng đang vận hành đầy, quá tải; cắt lưới chia tải tối đa hóa bán kính lưới điện hạ thế của các trạm hiện hữu, đáp ứng được phụ tải gia tăng.

- Cải tạo lưới trung thế 1 pha, 2 pha thành lưới trung thế 3 pha được bọc hóa đúng cấp điện áp đang vận hành.

- Cải tạo lưới hạ thế hiện hữu và tăng cường lộ ra lưới điện hạ thế giảm bán kính lưới cho các trạm hiện hữu, hạn chế sự cố do quá tải mất gây điện diện rộng cho khách hàng;

- Cải tạo các tủ điện sử dụng 01 MCCB tổng thành tủ điện tổng sử dụng vật liệu vật liệu composite làm vỏ; 01 MCCB tổng + các MCCB lộ ra phù hợp công suất TBT đang vận hành, TCCS.

- Xây dựng mới lưới điện hạ thế sử dụng cáp nhôm xoắn ABC xử lý các nhánh dây mắc điện bằng chuyên, băng đường không đảm bảo an toàn; thay thế, trồng mới trụ điện bê tông ly tâm theo đúng tiêu chuẩn.

- Cải tạo và thay thế các branchment không đảm bảo tiêu chuẩn vận hành an toàn.

- Cải tạo và thay thế các hộp phân phối điện kế lắp đặt tại trụ lão hóa, hư hỏng;

- Thay với dây dẫn từ lưới hạ thế đến hộp phân phối điện kế hư hỏng cách điện, nhiều nơi mới bằng cáp muller.

5.2 Quy mô, khối lượng đầu tư

Công trình: “Hoàn thiện, phát triển lưới điện trung hạ thế và trạm biến thế phường Dĩ An năm 2027” sẽ thực hiện các công việc chính như sau:

- Xây dựng mới đường dây 22kV cấp nổi 3ACV50-24 kV + AC50 : 315 mét
- Tăng cường công suất TBT hiện hữu thành TBT trụ ghép 250kVA - 22/0,4kV: 15 trạm;
- Cải tạo và xây dựng mới lưới hạ thế cáp nhôm hạ thế ABC 4*95mm²: 46.000 mét;

5.3. Khái toán tổng mức đầu tư:

Tổng vốn đầu tư : 42,331,610,191 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 29,555,716,168 đồng.
- Chi phí thiết bị : 4,405,967,799 đồng.
- Chi phí khác : 4,521,349,524 đồng.
- Chi phí dự phòng : 3,848,303,349 đồng.

6. Hiệu quả đầu tư:

5.1 Về mặt kinh tế xã hội: Dự án đầu tư cho phát triển lưới điện Thành phố, phục vụ và hỗ trợ cho việc phát triển kinh tế khu vực, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, nâng cao hiệu quả năng suất lao động, góp phần đảm bảo an ninh chính trị trong khu vực điện lực quản lý.

5.2 Về mặt kỹ thuật:

- Hoàn thiện lưới điện đảm bảo vận hành an toàn, mỹ quan và tin cậy.

- Nâng cao độ tin cậy, tính linh hoạt của lưới điện.
- Giảm tổn thất trên lưới điện hoàn thành chỉ tiêu tổn thất giao.
- Giảm sự cố máy biến thế do vận hành đầy và quá tải; hoàn thành chỉ tiêu sự cố giao.
- Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và vận hành kinh tế hệ thống.

5.3 Phân tích tài chính: Đạt hiệu quả tài chính với các thông số phân tích được tổng hợp theo bảng dưới đây:

	Phân tích tài chính			
	IRR	B/C	NPV (triệu đồng)	Thời gian hoàn vốn
Kết quả	24,68	1,03	68.020,89	8 năm 4 tháng

Đính kèm bảng phân tích hiệu quả tài chính

5.3 Phân tích kinh tế: Đạt hiệu quả tài chính với các thông số phân tích được tổng hợp theo bảng dưới đây:

	Phân tích kinh tế			
	IRR	B/C	NPV (triệu đồng)	Thời gian hoàn vốn
Kết quả	21.8	1,07	75.269,97	5 năm 2 tháng

Đính kèm bảng phân tích hiệu quả kinh tế

6. Kế hoạch bảo vệ môi trường:

6.1 Địa điểm thực hiện dự án:

STT	Tên TBT	Công suất (kVA)	Kết cấu
1	56B POMINA TAN LONG	250	trụ ghép
2	KDC AN PHU MO RONG	250	trụ ghép
3	KDC AN PHU MO RONG 2	250	trụ ghép
4	KHU NHA O TAN DONG HIEP 2	250	trụ ghép
5	TT Dapark	250	trụ ghép
6	Tân Ninh 2	250	trụ ghép
7	TT Areco	250	trụ ghép
8	Thái Bình 3	250	trụ ghép
9	TT Đường số 10 T2	250	trụ ghép
10	INTERNET 182	250	trụ ghép
11	Nguyễn Thị Thành Thiện	250	trụ ghép
12	Khu nhà ở TM đường sắt GĐ 2 trạm 1	250	trụ ghép
13	Tầng Nữ 2	250	trụ ghép
14	Ngã 3 Cây Diệp 2	250	trụ ghép

STT	Tên TBT	Công suất (kVA)	Kết cấu
15	Ngã 3 Cây Điệp 3	250	trụ ghép

6.2 Quy mô dự án:

- Xây dựng mới đường dây 22kV cấp nối 3ACV50-24 kV + AC50 : 315 mét
- Tăng cường công suất TBT hiện hữu thành TBT trụ ghép 250kVA - 22/0,4kV: 15 trạm;
- Cải tạo và xây dựng mới lưới hạ thế cáp nhôm hạ thế ABC 4*95mm²: 46.000 mét;

6.3 Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng

- Nguồn cung cấp vật tư thiết bị:

Trong quá trình thực hiện công trình, nếu nhà thầu có nguồn cung cấp vật liệu khác thì hoàn toàn có thể được chấp nhận. Chất lượng vật liệu thi công phải đảm bảo theo các qui định hiện hành của Việt Nam.

Cung ứng vật tư thiết bị được quy định chi tiết trong hồ sơ mời thầu, tuy theo chủng loại vật tư thiết bị do A cấp hoặc B cấp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật nêu trong hồ sơ thiết kế và qui định của Tổng Công ty Điện lực Tp Hồ Chí Minh

Vận chuyển vật tư thiết bị sử dụng xe chuyên dụng (cẩu tải để chuyên chở)

Tập kết vật tư thiết bị phải đảm bảo nguồn vật tư không thiếu trong ngày thi công, các vật tư thiết bị được kiểm tra chủng loại, đặc tính kỹ thuật đúng như trong hồ sơ mời thầu yêu cầu trước khi đưa vào lắp đặt sử dụng.

- Nguồn cung cấp điện, nước cho thi công:

Nguồn điện thi công và sinh hoạt lấy ở máy phát 5kVA tự trang bị.

Nguồn nước thi công và sinh hoạt chủ yếu phải mua từ nguồn nước thủy cục của thành phố ở nơi đóng quân.

6.4 Các tác động xấu đến môi trường:

a) Bụi:

* Trong giai đoạn thi công:

* Trong quá trình xây dựng, các hoạt động thi công sẽ làm phát sinh bụi:

(i) Phát sinh chủ yếu từ các hoạt động thi công đào đắp, san lấp phục vụ xây dựng các hạng mục của dự án.

(ii) Phát sinh từ hoạt động vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu và thiết bị: vận chuyển bốc dỡ vật liệu xây dựng (xi măng, cát, đá dăm, đất...), quá trình bốc dỡ và vận chuyển thiết bị.

Nồng độ bụi phụ thuộc quy mô, mức độ của các hoạt động phát sinh bụi, điều kiện tiểu khí hậu (tốc độ gió, hướng gió, độ ổn định khí quyển...), tính chất vật lý của đất (cấu trúc hạt, độ ẩm trung bình của vật liệu). Lượng xe được sử dụng để vận chuyển thiết bị và vật liệu cho dự án là rất ít, chỉ khoảng 07 xe; các xe hoạt động không tập trung tại một vị trí và quá trình vận chuyển bằng cơ giới không nhiều, nên tải lượng bụi từ giao thông xem như không đáng kể.

Khí thải

❖ Trong giai đoạn thi công:

Khí thải phát sinh từ các động cơ của các phương tiện giao thông, máy móc thiết bị cơ giới trong quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là các khí: NO_x, SO₂, CO, O₃ và VOC... với hệ số ô nhiễm và tải lượng ô nhiễm có thể dự báo như sau:

Bảng 2.3 Lượng khí thải phát sinh do hoạt động thi công

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1000km)	Tổng quãng đường di chuyển trong ngày (km)	Số lượng xe	Tổng tải lượng (kg/ngày)	Tổng tải lượng (mg/s)
	Bụi	0,9	6	2	0,011	0,125
1	CO	6	6	2	0,072	0,833
2	NO _x	11,3	6	2	0,136	1,569
3	SO ₂	4,29S	6	2	0,051	0,030
4	VOC	2,6	6	2	0,031	0,361

Nguồn: Rapid inventory technique in environmental control, WHO 1993

Ghi chú: S là phần trăm hàm lượng sunfua trong nhiên liệu dầu: S = 0,2% - 0,5%

❖ Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh khí thải

Nước thải

❖ Trong giai đoạn thi công:

+ **Nước thải sinh hoạt:**

* **Trong giai đoạn xây dựng:**

Theo TCXD 33-2006 của Bộ Xây Dựng, lượng nước sử dụng cho sinh hoạt của một công nhân xây dựng trung bình là 150 lít/người/ngày. Với số lượng

công nhân thi công lúc cao điểm là 20 người, tổng lượng nước sử dụng cho sinh hoạt trung bình khoảng $3,0\text{m}^3/\text{ngày}$.

Lượng nước thải ra môi trường bằng khoảng 100% lượng nước sử dụng: trung bình khoảng $150\text{lít}/\text{người}/\text{ngày}$. Kết quả tính toán sơ bộ lượng nước thải sinh hoạt là $3,0\text{m}^3/\text{ngày}$ trên toàn tuyến.

Do đặc tính của dự án là xây dựng các trạm biến thế, lắp máy biến áp tại vị trí trụ xây dựng mới, treo trên trụ hiện hữu thuộc phường Dĩ An, TPHCM, công nhân thi công tập trung không nhiều nên sẽ không xây dựng lán trại, công nhân chỉ lưu trú tạm thời trong thời gian làm việc tại địa điểm thi công. Lượng nước thải tại mỗi vị trí không đáng kể nên có thể sử dụng chung với công trình vệ sinh công cộng tại điểm thi công, lượng nước thải ra này sẽ được thu xuống hầm phân tự hoại của hệ thống vệ sinh công cộng của thành phố.

- Nước thải xây dựng:

Phát sinh trong quá trình xây dựng hồ móng gồm: hồ móng và nước xả thừa trong quá trình trộn bê tông, nước xả bảo dưỡng bê tông hồ móng. Do khối lượng thi công đào móng là ít (mỗi vị trí trạm chỉ có khoảng 2-3 móng trụ) nên lượng nước thải này ít, không chứa các thành phần gây tác động xấu tới môi trường nước và không gây tác động xấu tới môi trường.

Trong quá trình đào móng trụ điện, đất đá có thể bị xói mòn vào dòng chảy gần vị trí thi công gây tăng độ đục trong nước. Tuy nhiên trong khu vực dự án không có kênh rạch, sông ngòi và biện pháp thi công không sử dụng đến các chất nguy hại làm ảnh hưởng đến môi trường nước. Vì vậy tác động này là không đáng kể.

Dầu mỡ thải và nước rửa xe máy thi công:

Dự án dự kiến có khoảng 02 máy, thiết bị và ô tô chạy dầu phục vụ thi công. Dầu mỡ thải, nước từ hoạt động sửa chữa bảo và rửa xe máy thi công là rất ít. Nên tác động này của dự án là không đáng kể.

- Nước mưa chảy tràn trong quá trình xây dựng

Trong quá trình thi công hồ móng, tại từng vị trí thi công hồ móng, đào đắp hồ móng, đất đá có thể bị rửa trôi, xói mòn theo dòng chảy do nước mưa vào các nguồn nước mặt gần vị trí thi công làm tăng độ đục của nước. Tuy nhiên, thời gian thi công tại 01 vị trí trạm biến thế là rất ngắn (khoảng 04 ngày), thi công chủ yếu vào mùa khô. Mặc khác, khu vực dự án không có kênh rạch, sông ngòi. Do đó, tác động này được đánh giá là không đáng kể.

❖ Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh nước thải nguy hại

Trong giai đoạn vận hành dự án không sử dụng nước nên không phát sinh nước thải.

Chất thải rắn

❖ Trong giai đoạn thi công:

+ Chất thải rắn sinh hoạt

Đối với dự án này, lượng chất thải phát sinh của đơn vị thi công không nhiều. Thành phần chủ yếu gồm :

- Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ rau quả, thức ăn dư thừa...
- Các loại bao bì, gói đựng thức ăn, thức uống...
- Các kim loại như vỏ đồ hộp...

Lượng rác thải sinh hoạt theo định mức 1 người thải ra 0,3kg/ngày, lượng công nhân thi công trong công trình tùy thời điểm, thời điểm cao điểm nhất khoảng 20 người (khoảng 1 tháng), lượng rác thải phát sinh là:

$$20 \text{ người} \times 0,3 \text{ kg} \times 105 \text{ ngày} = 630 \text{ kg rác thải.}$$

+ Chất thải rắn xây dựng:

Chất thải rắn xây dựng bao gồm nguyên vật liệu phế thải rơi vãi (gạch, đá, xi măng, sắt thép, dây dẫn điện,...) khối lượng rất ít và rải rác. Nhìn chung hầu hết các chất thải xây dựng đều có thể kiểm soát, thu gom được để tái sử dụng hoặc bán phế liệu nên tác động của chất thải xây dựng là không đáng kể.

Chất thải rắn xây dựng trong quá trình đào đắp khi thi công hố móng trụ điện: theo tính toán thì lượng đất đào dư là thấp. Nhìn chung hầu hết các chất thải xây dựng đều có thể kiểm soát, thu gom và xử lý theo đúng qui định của địa phương do khối lượng đào đắp đất là rất ít. Do đó tác động này được đánh giá là không đáng kể.

+ Chất thải nguy hại:

Trong quá trình thi công xây dựng có thể phát sinh một lượng rò rỉ dầu nhớt, dầu mỡ do các máy móc thiết bị gây ra, giặt lau dính dầu nhớt. Tuy nhiên, lượng chất thải này là rất ít, không đáng kể, khoảng 1kg/tháng.

❖ Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh chất thải rắn

Các tác động khác

❖ Trong giai đoạn thi công:

+ *Ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực, các khu di tích văn hóa lịch sử, đền chùa*

Trong giai đoạn này chủ yếu là hoạt động khảo sát, lựa chọn phương án

tuyến cáp. Dự án chủ yếu đi các đường và hẻm hiện hữu không qua các khu di tích, đền chùa, cho nên không ảnh hưởng. Hướng tuyến đã được xem xét để tránh những ảnh hưởng đối với cảnh quan khu vực nên có thể đánh giá ảnh hưởng công trình đến hệ sinh thái là không có.

+ Ảnh hưởng đến tầm nhìn

Trong quá trình thi công, nguồn gây hạn chế tầm nhìn là các hoạt động vận chuyển vật tư thiết bị. Các xe tải, xe cẩu có thể gây hạn chế tầm nhìn nhưng chỉ trong thời gian ngắn nên vấn đề này đánh giá là tạm thời không đáng kể.

+ Ảnh hưởng đến sức khỏe do tác động của điện từ trường

Do đặc tính của dự án là đường dây hạ thế nên ảnh hưởng đến sức khỏe do tác động của điện từ trường là không có.

+ Cơ sở hạ tầng

- Giao thông vận tải:

Đường vận chuyển thi công: Vận chuyển vật tư thiết bị từ nguồn cung cấp theo kế hoạch của Công ty Điện lực Thuận An đến các kho bãi đã được chuẩn bị sẵn tại vị trí thi công.

Đường tạm thi công: Trong quá trình vận chuyển vật tư thiết bị đoạn từ Công ty Điện lực Thuận An đến công trường nằm hoàn toàn dọc các tuyến đường hiện hữu nên không sử dụng đường tạm thời.

Trong thời gian thi công, một số lượng xe được sử dụng cho vận chuyển thiết bị và vật liệu xây dựng sẽ di chuyển cùng với lưu lượng xe cộ lưu thông trên tuyến đường nên ảnh hưởng là không nhiều.

- Cơ sở hạ tầng khác:

Các hạng mục xây dựng chính trong dự án là xây dựng móng trụ và móng máy biến áp, lắp đặt thiết bị trên các vị trí trạm biến thế hiện hữu, không phát sinh diện tích xây dựng nên không ảnh hưởng tới các công trình khác như; Cổng thoát nước, ống cấp nước, tuyến dây thông tin và đường điện dây trung hạ thế...

- Ảnh hưởng trong hành lang tuyến

Xác định hành lang tuyến: theo nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính Phủ ban hành về việc Hướng dẫn thi hành một số điều của luật Điện lực về bảo vệ công trình lưới điện cao áp.

Ảnh hưởng đến nhà cửa trong hành lang tuyến: Dự án không ảnh hưởng nhà dân

+ Sự cố cháy nổ:

Trong quá trình thi công có thể xảy ra hiện tượng cháy nổ do một số thiết

bị thi công có sử dụng điện, như máy hàn, máy cắt thép.... Tuy nhiên, số lượng thiết bị này là không nhiều nên tác động này là không đáng kể.

Tại công trường cần trang bị thiết bị PCCC tại chỗ để hạn chế tối thiểu thiệt hại do sự cố cháy nổ có thể xảy ra.

Khi xảy ra sự cố cháy nổ thì phải cúp cầu dao để cô lập khu vực cháy nổ và dùng thiết bị PCCC tại công trường để xử lý sự cố cháy nổ và báo với cán bộ giám sát A và các cơ quan chuyên ngành để phối hợp xử lý sự cố.

❖ Trong giai đoạn vận hành:

Khi đưa vào vận hành thì dự án không gây ô nhiễm không khí, nước, đất,... Các hoạt động vận hành chủ yếu là duy tu, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa khi có sự cố, không làm thay đổi tính chất của môi trường đất, nước và không khí,...

6.5 Cam kết môi trường:

Chúng tôi cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong Kế hoạch bảo vệ môi trường đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong bản Kế hoạch bảo vệ môi trường, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

7. Nguồn vốn thực hiện: ĐTXD 2026.

8. Đề xuất tiến độ thực hiện của dự án:

- | | |
|--------------------------------|---------------|
| - Thực hiện chuẩn bị đầu tư | : Quý 1/2026. |
| - Thời gian đăng ký khởi công | : Quý 1/2027. |
| - Thời gian dự kiến hoàn thành | : Quý 3/2027. |

Từ phân tích hiện trạng lưới điện hiện hữu, Công ty Điện lực Thuận An nhận thấy việc thực hiện phương án trên là rất cần thiết, nhằm đảm bảo an toàn và cung cấp điện ổn định liên tục trên địa bàn, đảm bảo ổn định an ninh chính trị và tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội.

Kính trình Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh xét duyệt phương án đầu tư để triển khai các thủ tục tiếp theo.

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Tổng hợp khái toán công trình
- Phụ lục 2: Phân tích kinh tế, tài chính
- Phụ lục 3: Danh sách XDM, TBT TCCS
- Phụ lục 4: Bảng phân bổ trụ TBT-LTT-LHT
- Phụ lục 5: Bản vẽ mặt bằng TBT XDM, TCCS

[illegible]

BẢNG THỐNG KÊ TRUNG THỂ NGÀM VÀ NỔI
Dự án: Hoàn thiện, phát triển lưới điện trung hạ thế và trạm biến thế phường Dĩ An năm 2027

NGÀM BA PHA

Tuyến cáp				Chiều dài thực địa - đơn tuyến (m)				Chiều dài thực địa - đơn tuyến (m)				Tổng chiều dài cáp sử dụng (m)		Hộp đấu cáp ba pha 24kV màn chắn bằng đồng (Bộ)		TBDC							
Điểm đầu	MC	Điểm đầu	Điểm cuối	1 mạch	2 mạch	3 mạch	4 mạch	1 ống d90 (cho scada, có dây mỗi)	Lên trụ	Lên trụ	Cáp đơn pha đơn tuyến	Cáp 3xM240mm2	Cáp đơn pha 3"(1xM400mm2)	ID	OD	LBS	REC	MC	DS				
				0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				

NỔI

Tuyến cáp				Chiều dài thực địa - đơn tuyến (m)				Chiều dài thực địa - đơn tuyến (m)				Tổng chiều dài cáp sử dụng (m)		Hộp đấu cáp ba pha 24kV màn chắn bằng đồng (Bộ)		TBDC							
Tuyến dây	Nhánh rẽ	Điểm đầu	Điểm cuối	1 mạch	2 mạch	3 mạch	4 mạch	1 ống d90 (cho scada, có dây mỗi)	Vào trạm T/G	Lên trụ	3ACV50-24 kV + AC50	3ACV50-24 kV + AC50	3VXAs240mm2 + As120mm2	ID	OD	LBS	REC	MC	DS				
CỘNG				312	0	0	0	0	0	0	312	3,262	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	475 Viglacera	KDC Viglacera	Trạm KDC AN PHU MO	Trụ trạm dự kiến XDM	1	25			0	0	25	25											
2	475 Viglacera	Mỹ An	Trạm KHU NHA O TAN DONG HIEP 2	Trụ trạm dự kiến XDM	1	25			0	0	25	25											
3	479 Bình Đường	Cty Thái Bình	Trạm TT Areco	Trụ trạm dự kiến XDM	1	12			0	0	12	12											
4	471 Cầu Hang	Vườn Cỏ Tích	Trụ trạm Vườn Cỏ Tích	Trụ trạm INTERNET 182	1	250			0	0	250	250											
					1																		

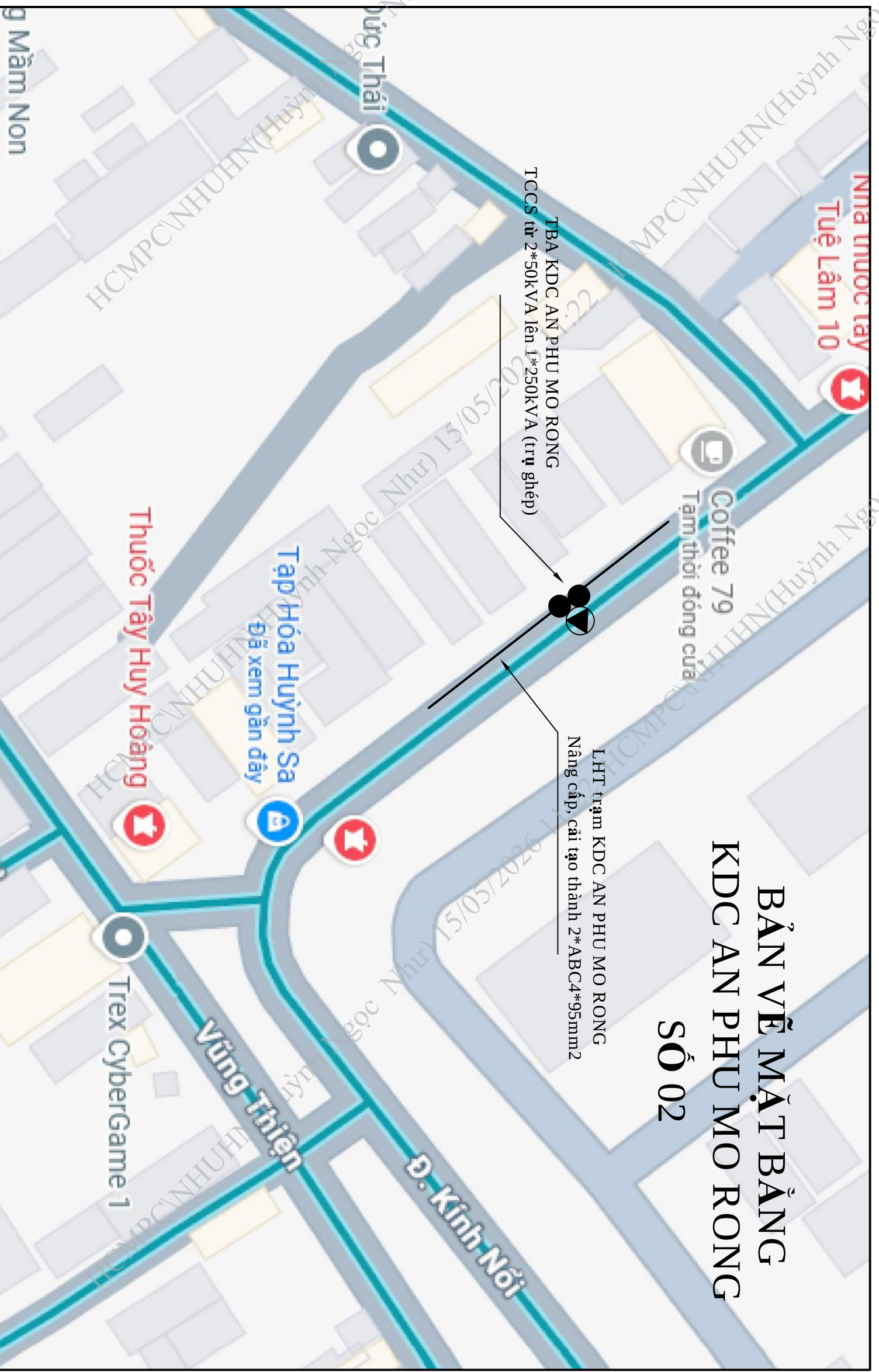
cọc 0.0

Đào móng 3 ống cáp đơn pha M400mm2 0.0 m
Đào móng 6 ống cáp đơn pha M400mm2 0.0 m
Đào móng 12 ống cáp đơn pha M400mm2 0.0 m
Đào móng 15 ống cáp đơn pha M400mm2 m

**BẢN VẼ MẶT BẰNG
KDC AN PHU MO RONG
SỐ 02**

LHT trạm KDC AN PHU MO RONG
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm2

TBA KDC AN PHU MO RONG
TCCS từ 2*50kVA lên 1*250kVA (trụ ghép)



BẢN VẼ MẶT BẰNG KDC AN PHU MO RONG 2

SỐ 03

TBA KDC AN PHU MO RONG 2
TCCS từ 1*50kVA lên 1*250kVA (trụ ghép)

LHT trạm KDC AN PHU MO RONG 2
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm2

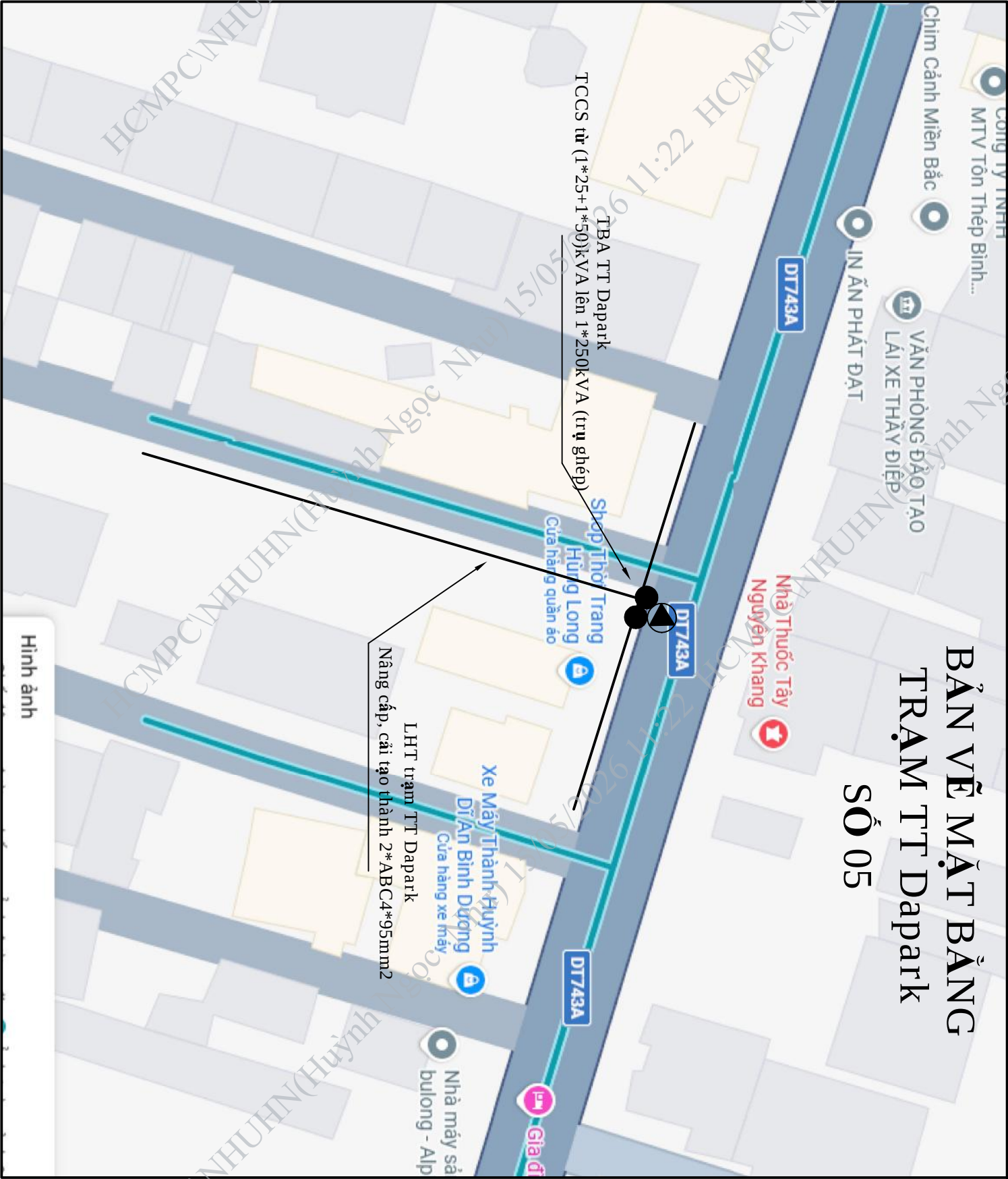
Ψ1 Bùn Bò Bả Bích

Chuối sạch Thống
Linh - Bình Dương

CÔNG TY TNHH
ĐỨC PHÁT



BẢN VẼ MẶT BẰNG
TRẠM TT Dapark
SỐ 05



5006

LHT tràm TT Dapark

Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm2

TBA Tân Ninh 2

TCCS từ (1*25+1*75)kVA lên 1*250kVA (trụ ghép)

~~Dưỡng sinh~~
~~đồng y Nhà Gạo~~

n Bảo Anh

Công Ty TNHH Cơ Khí Minh Tiến Phát

BẢN VẼ MẶT BẰNG TRẠM TT Areco

SỐ 07

LHT trạm TT Areco
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm²

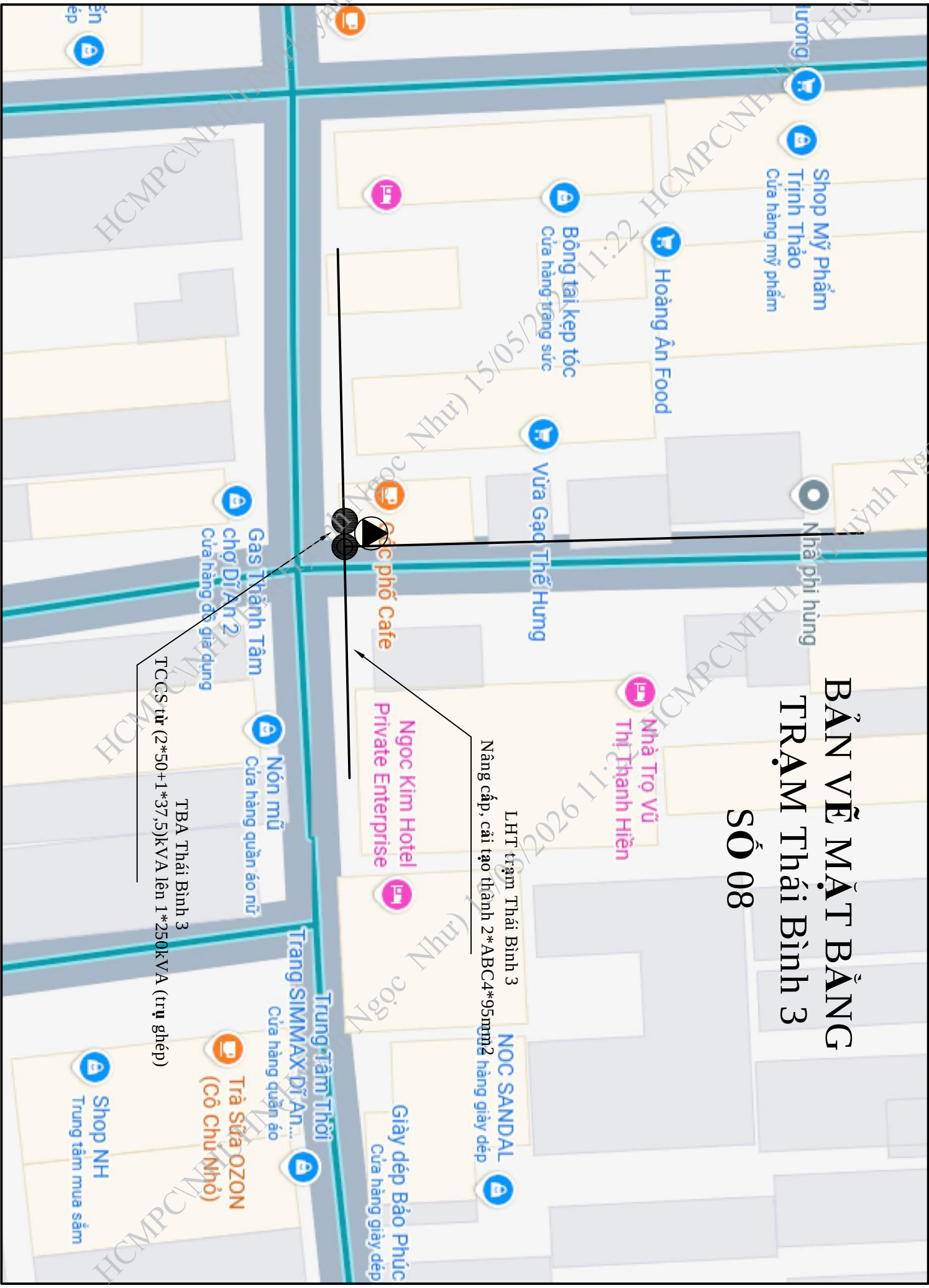
Family Home

Công Ty TNHH
Dịch An Bình
Cửa hàng hoa

BCONS LÊ TRỌNG
TẤN BUSINESS

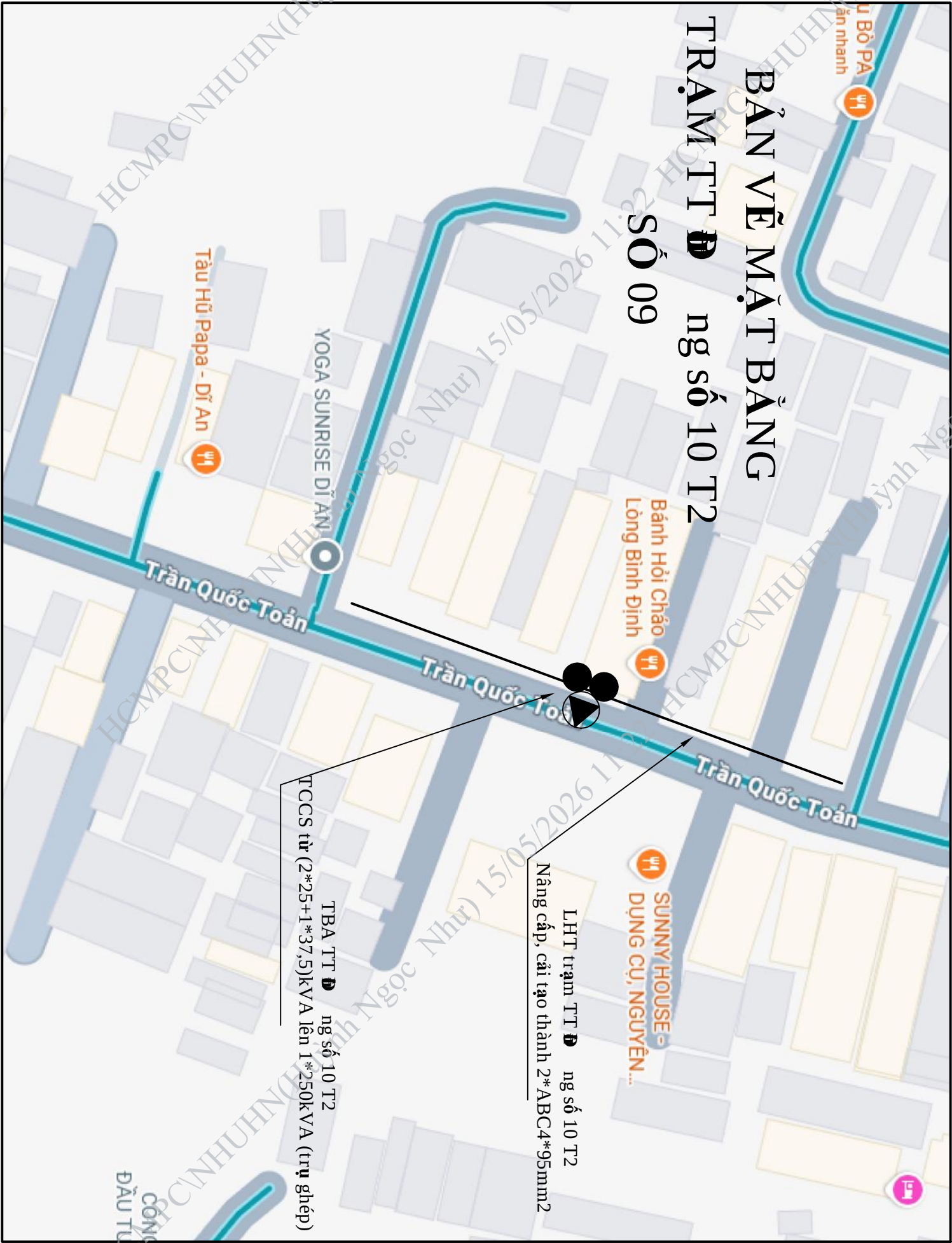
TBA TT Areco
TCCS từ 1*50kVA lên 1*250kVA (trụ ghép)

BẢN VẼ MẶT BẰNG
TRẠM Thái Bình 3
SỐ 08

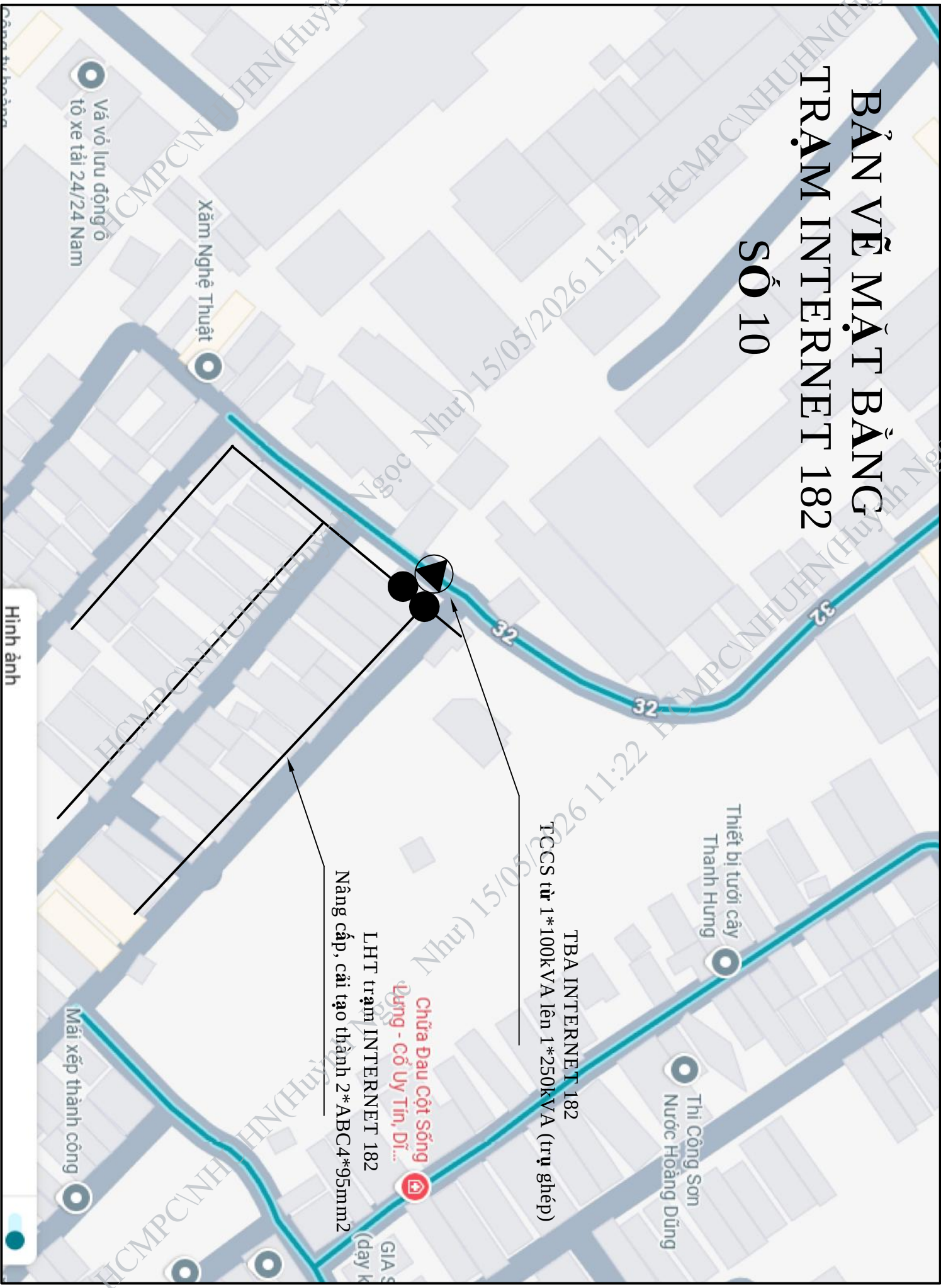


LHT trạm Thái Bình 3
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm² hàng giây dép

TBA Thái Bình 3
TCCS từ (2*50+1*37,5)kVA lên 1*250kVA (trụ ghép)



BẢN VẼ MẶT BẰNG TRẠM INTERNET 182 SỐ 10



BẢN VẼ MẶT BẰNG

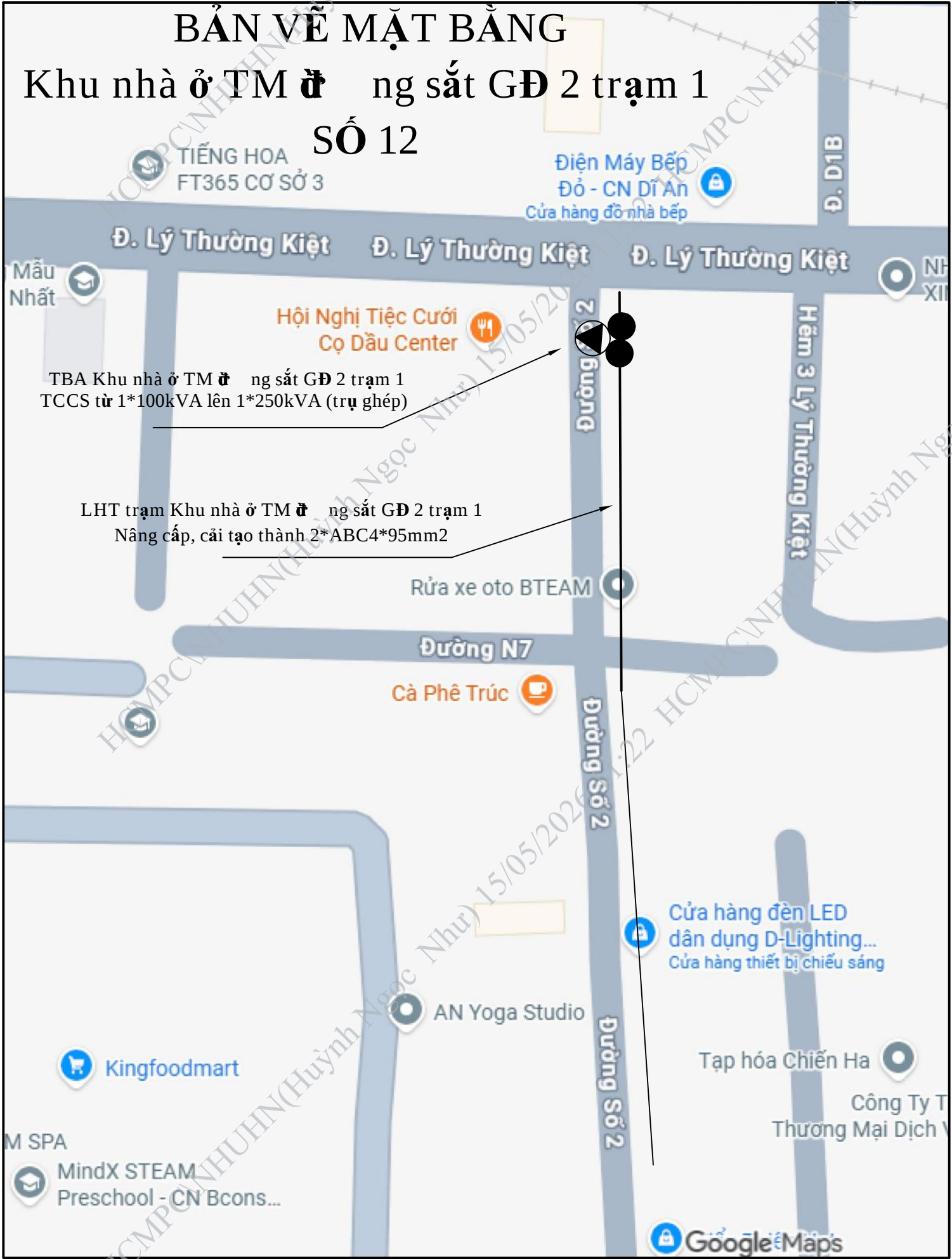
Nguyễn Thị Thành Thiện

SỐ 11

TBA Nguyễn Thị Thành Thiện
TCCS từ 3*50kVA lên 1*250kVA (trụ ghép)

LHT trạm Nguyễn Thị Thành Thiện
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm²



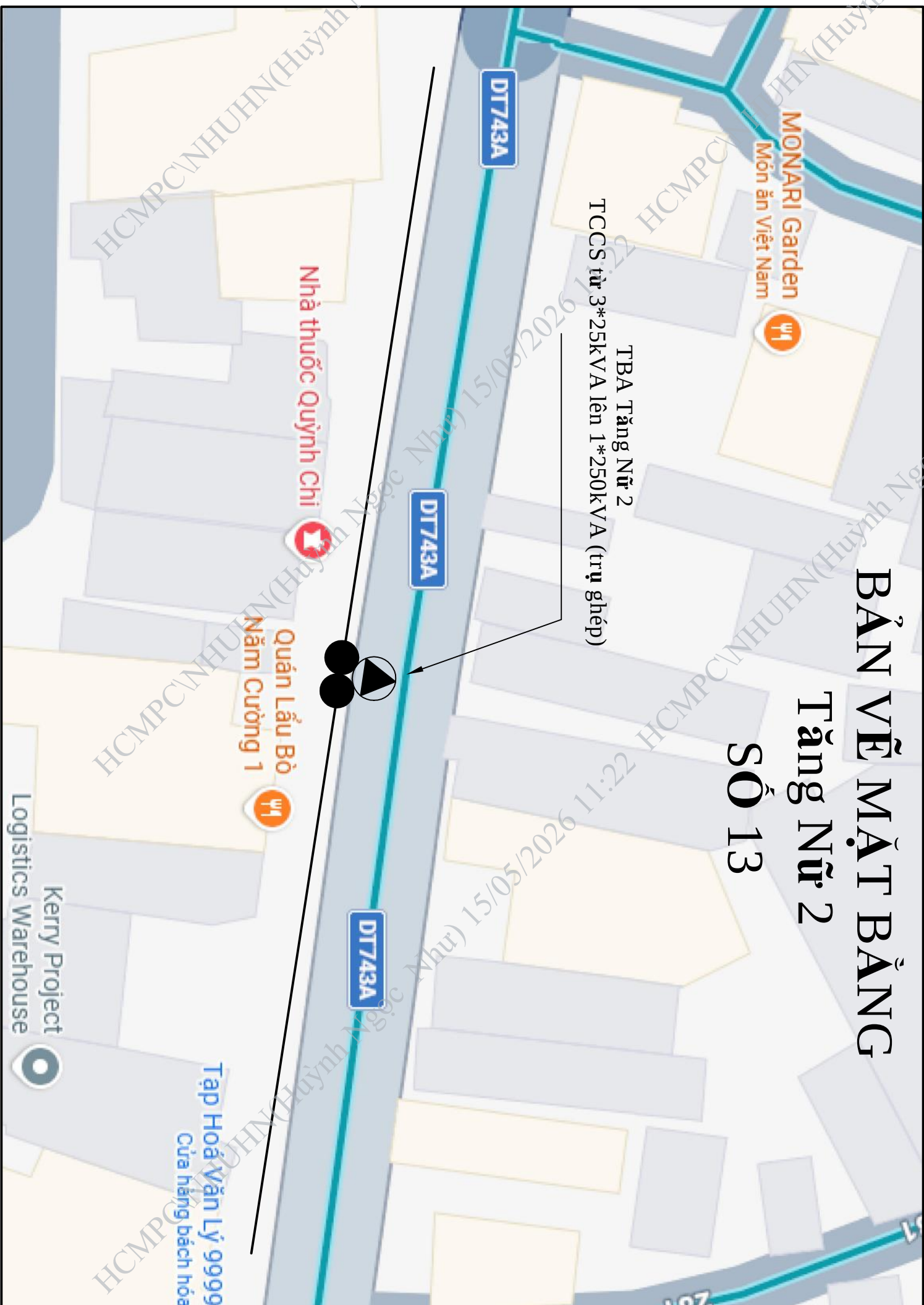


BẢN VẼ MẶT BẰNG

Tầng Nử 2

SỐ 13

TBA Tầng Nử 2
TCCS từ 3*25kVA lên 1*250kVA (trụ ghép)



BẢN VẼ MẶT BẰNG

Ngã 3 Cây Diếp 2

SỐ 14

TBA Ngã 3 Cây Diếp 2
TCCS từ 1*75kVA lên 1*250kVA (trụ ghép)

Garage Huy Hành

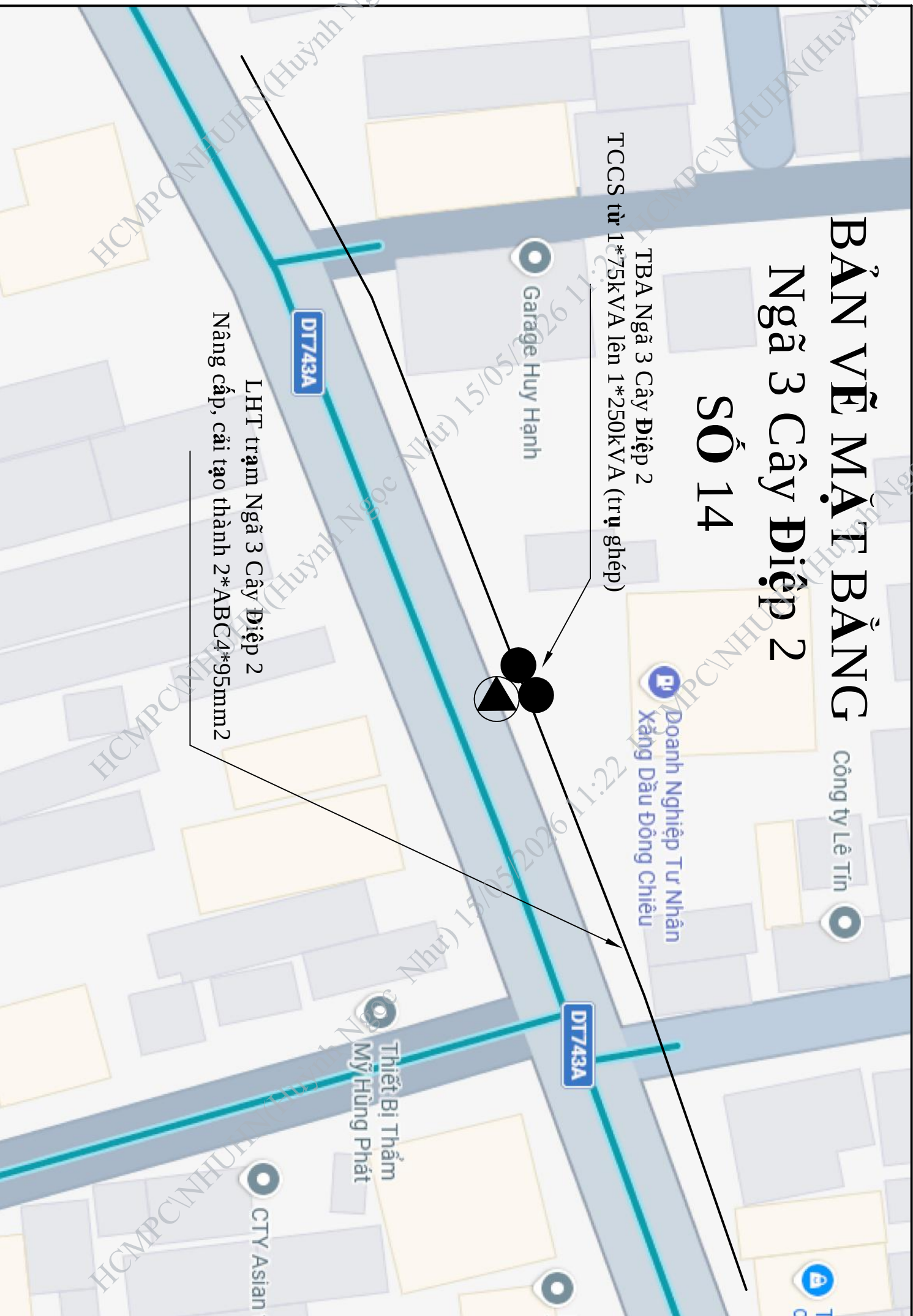
Doanh Nghiệp Tư Nhân
Xăng Dầu Đông Châu

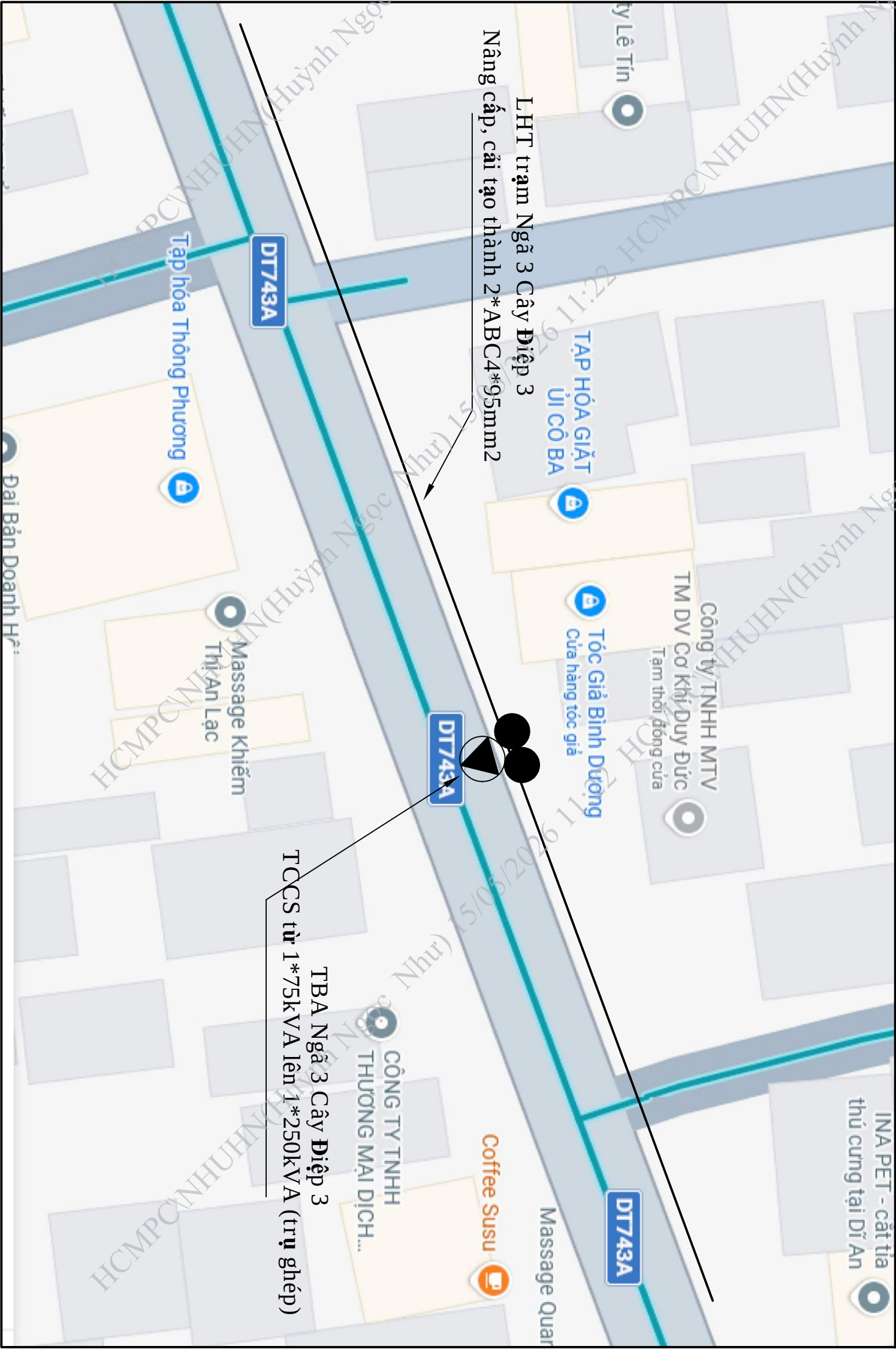
Công ty Lê Tín

Thiết Bị Thăm
Mỹ Hùng Phát

CTV Asian

LHT trạm Ngã 3 Cây Diếp 2
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm²





BẢN VẼ MẶT BẰNG
KDC AN PHU

SỐ 16

LHT trạm KDC AN PHU
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm²

Trà Sữa Máy Hồng

Nhà trợ Chiến

Đường Văn Năng

Đường N5

Đường N5

Đường D3

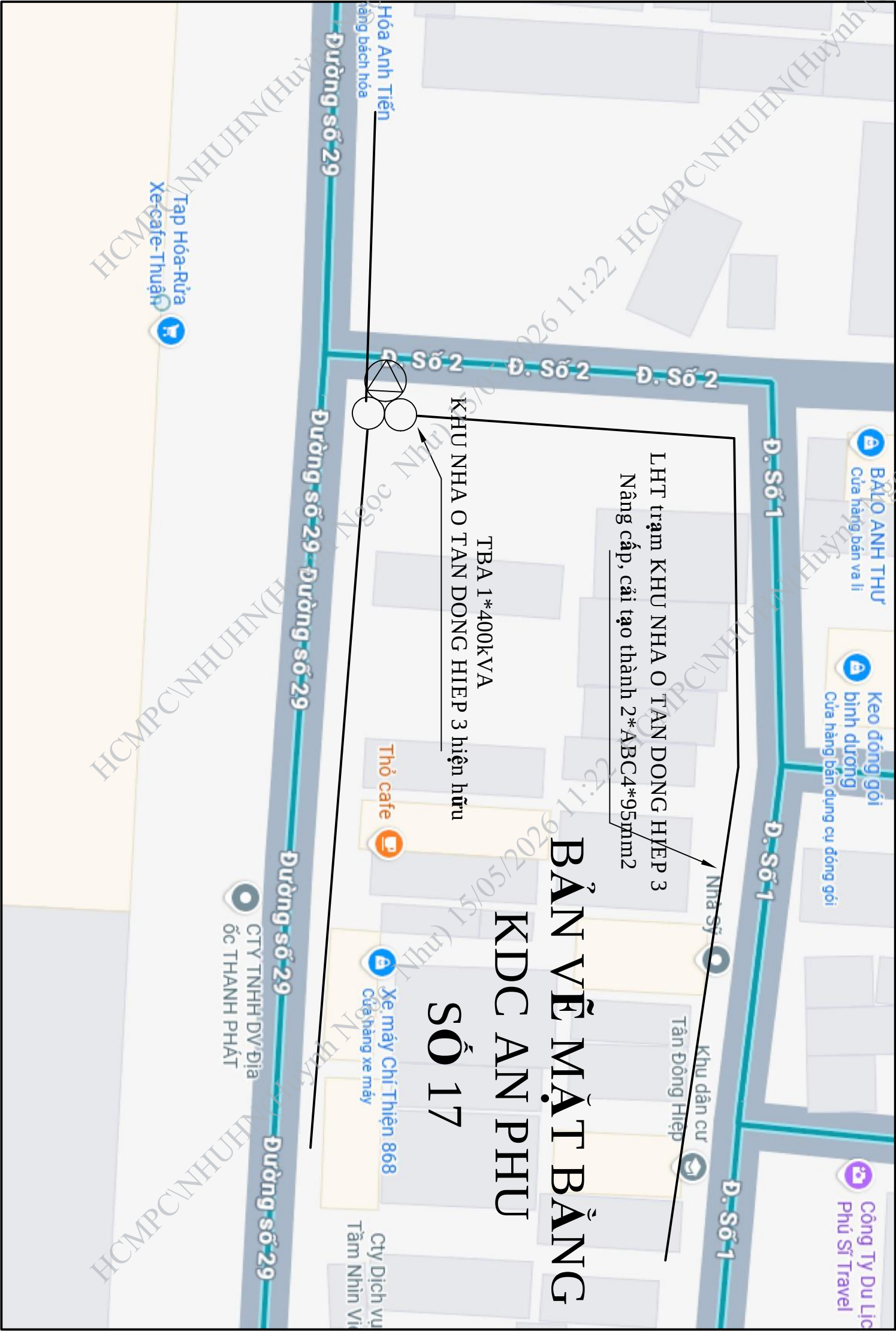
Thai Audio

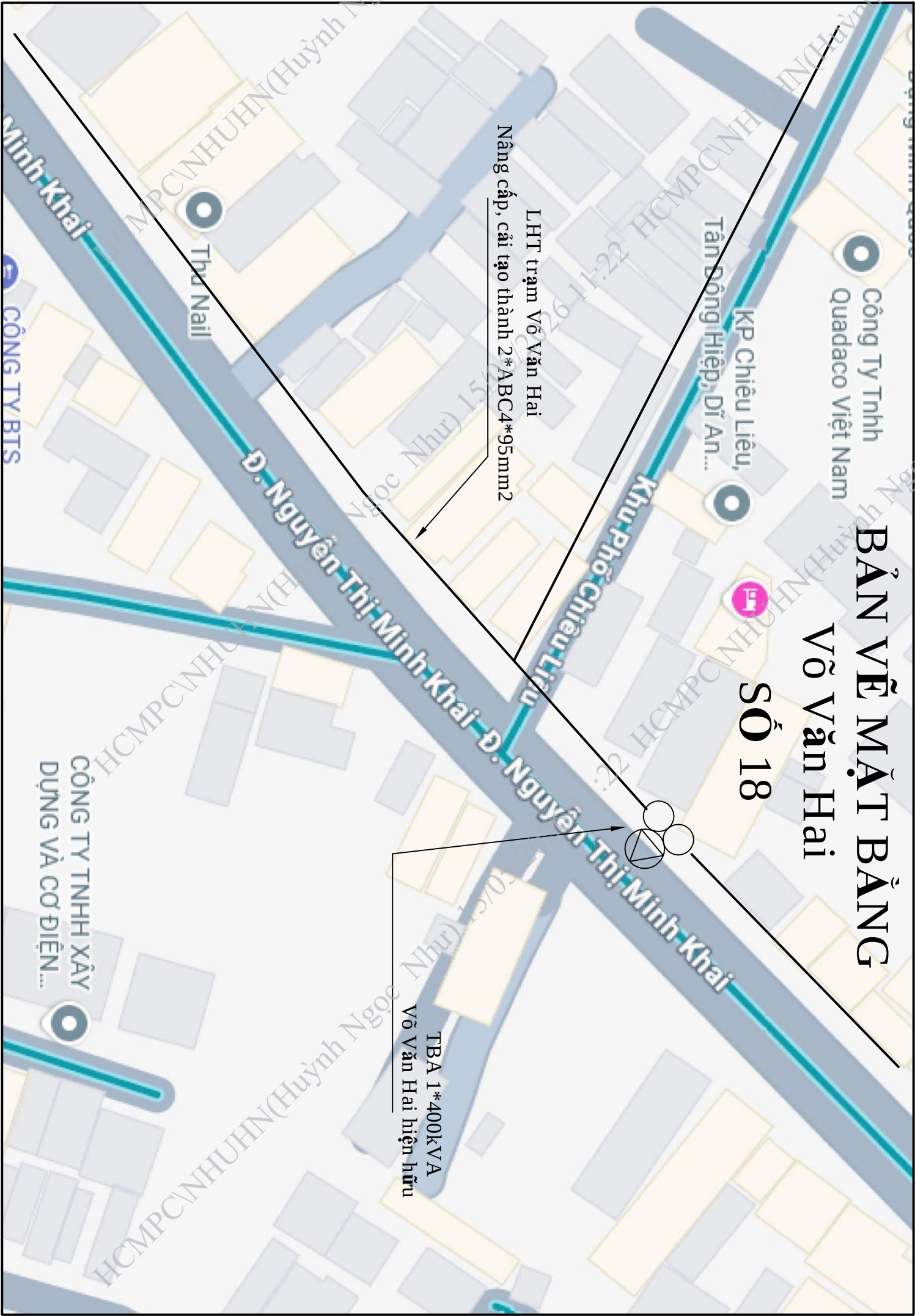
Spa Thu Thường

TBA 1*400kVA
KDC AN PHU hiện hữu

Quang Dũng Home

Công ty TNHH TM
DV ĐT AN PHÚ GIA



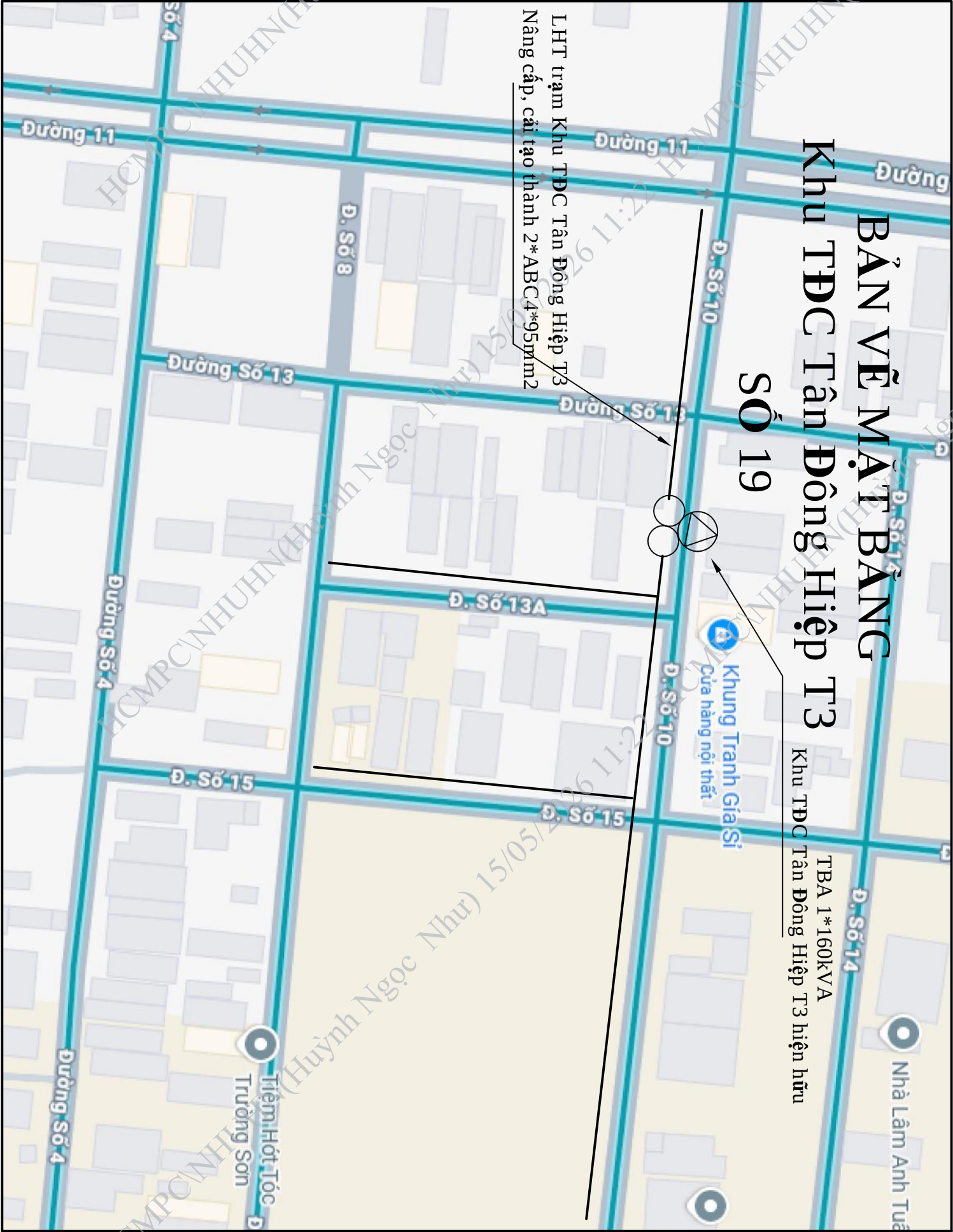


BẢN VẼ MẶT BẰNG Võ Văn Hai

Số 18

LHT trạm Võ Văn Hai
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm2

TBA 1*400kVA
Võ Văn Hai hiện hữu



BẢN VẼ MẶT BẰNG

Tân Bình 1

SỐ 20

TBA 1*400kVA
Tân Bình 1 hiện hữu

Tiệm cá cảnh bảo vỹ
Cửa hàng cá cảnh

Trường tiểu
học Tân Bình

Trạm Y Tế
Phường Tân Bình

LHT trạm Tân Bình 1
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm2

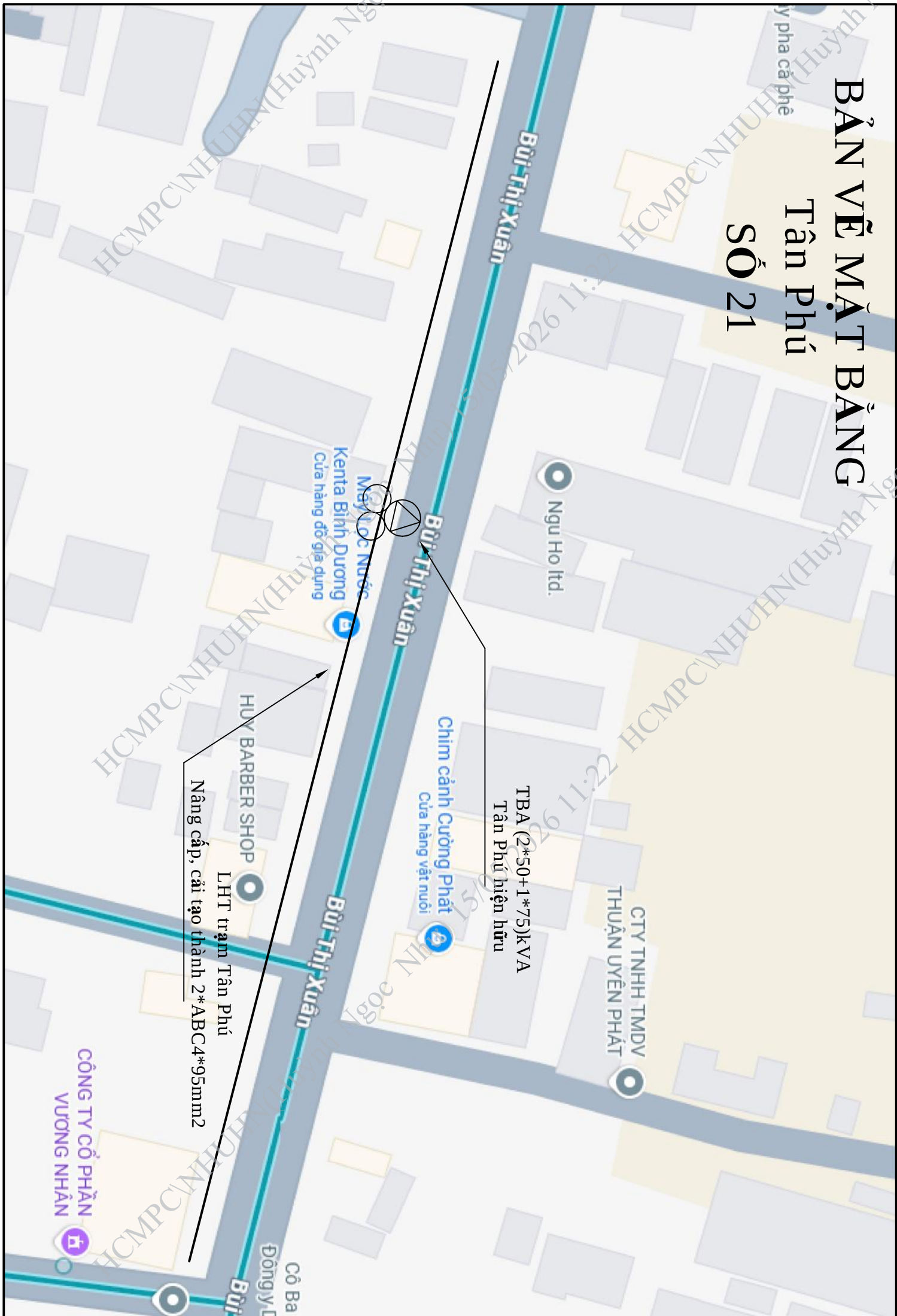
UBND Phường
Tân Đông Hiệp

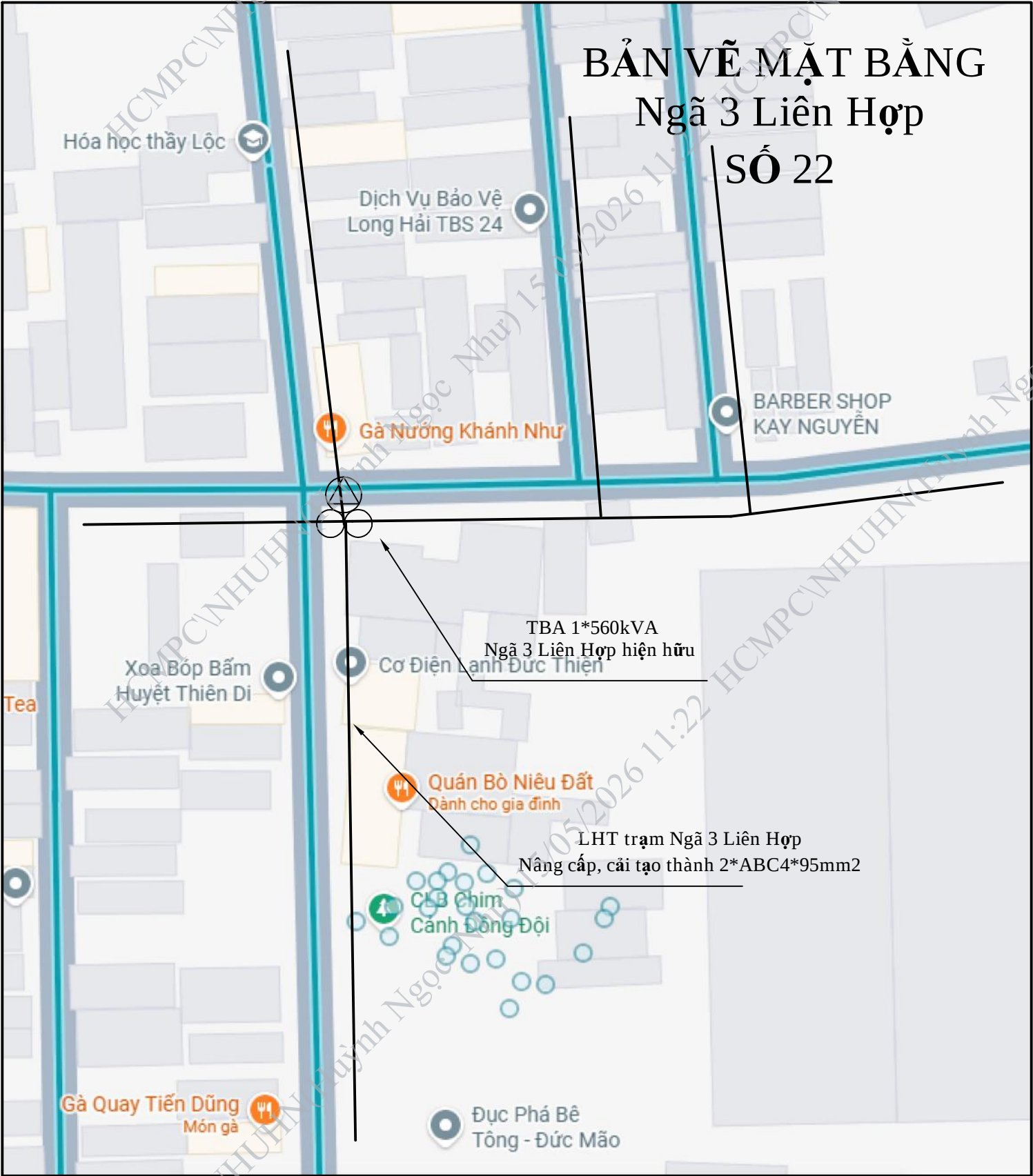
Hình ảnh

BẢN VẼ MẶT BẰNG

Tân Phú

Số 21





BẢN VẼ MẶT BẰNG

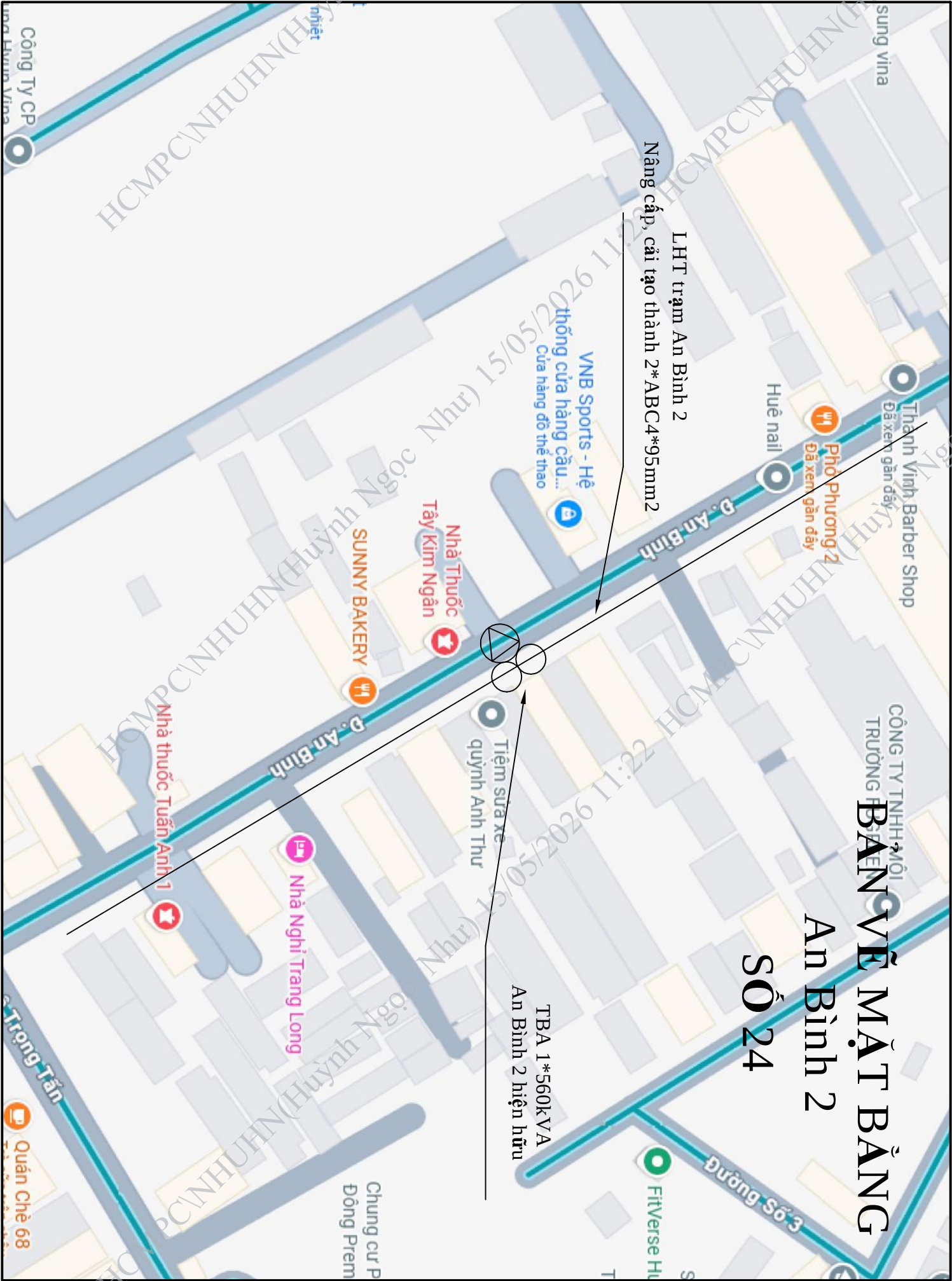
Hồ Văn Bằg

SỒ 23

LHT trạm Hồ Văn Bằg
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm2

TBA 1*560kVA
Hồ Văn Bằg hiện hữu

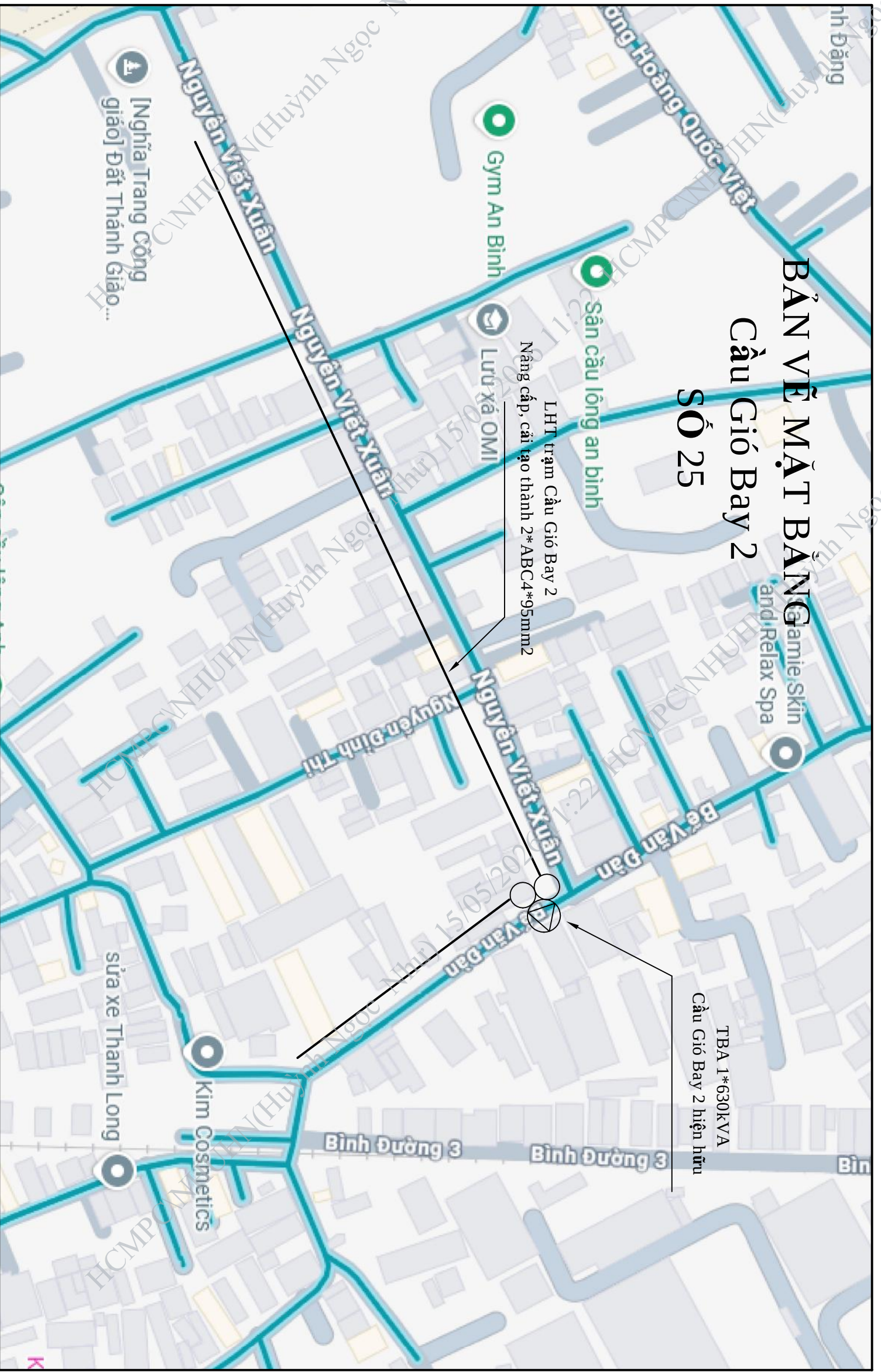




BẢN VỀ MẶT BẰNG
Cầu Gió Bay 2
SỐ 25

LHT trạm Cầu Gió Bay 2
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm2

TBA 1*630kVA
Cầu Gió Bay 2 hiện hữu

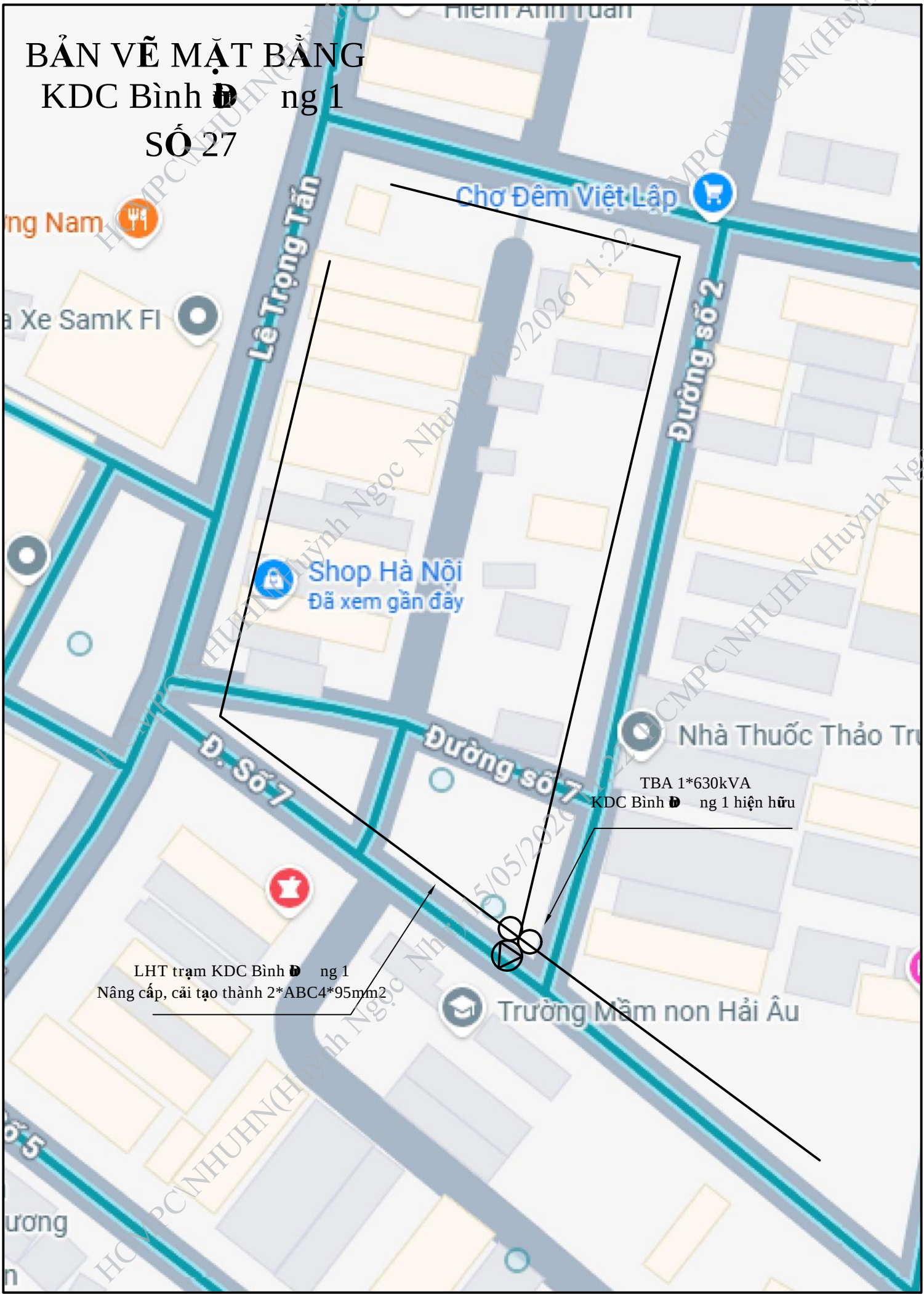




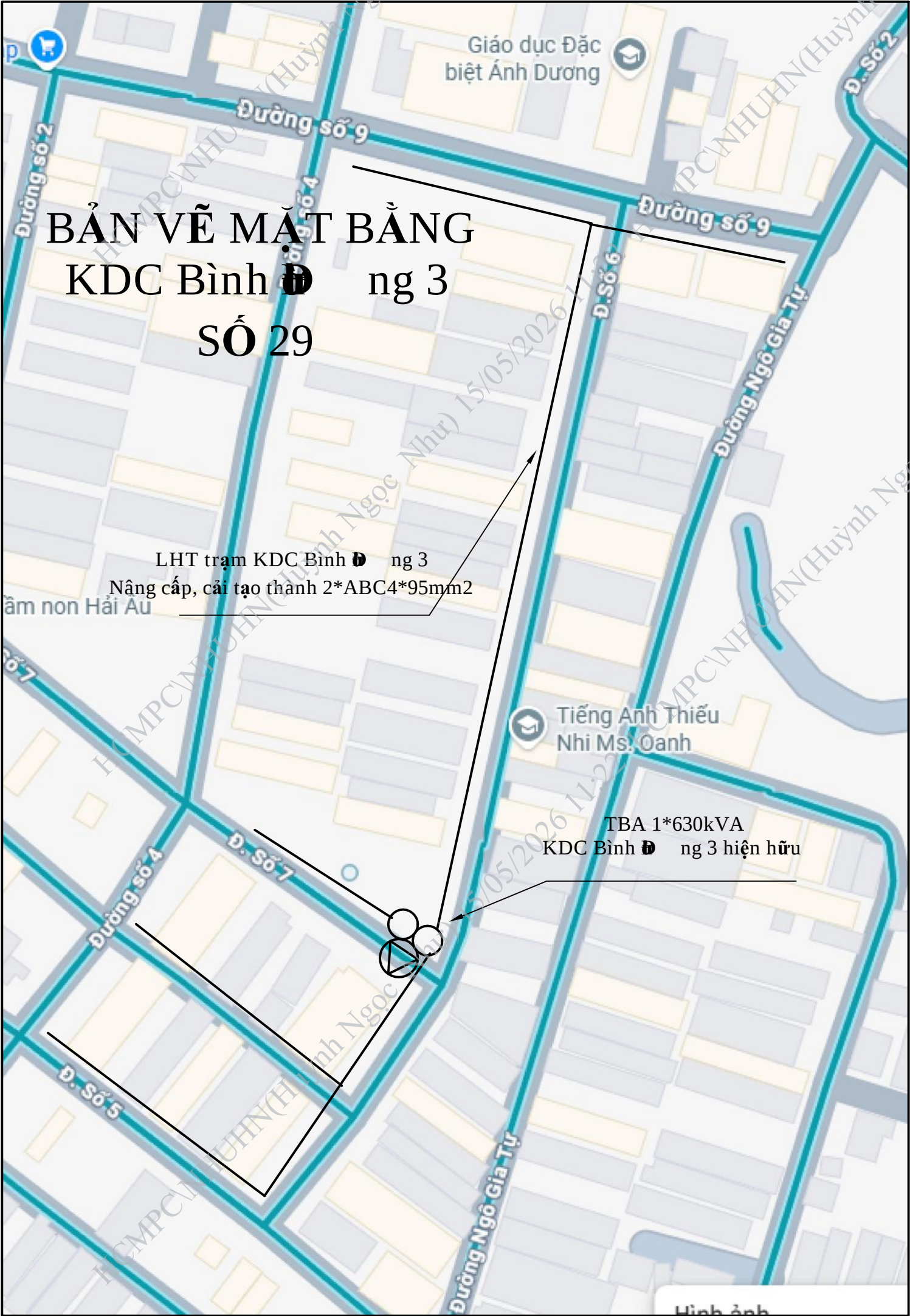
BẢN VẼ MẶT BẰNG
An Bình 3B

SỐ 26

BẢN VẼ MẶT BẰNG
KDC Bình Nhị ng 1
SỐ 27



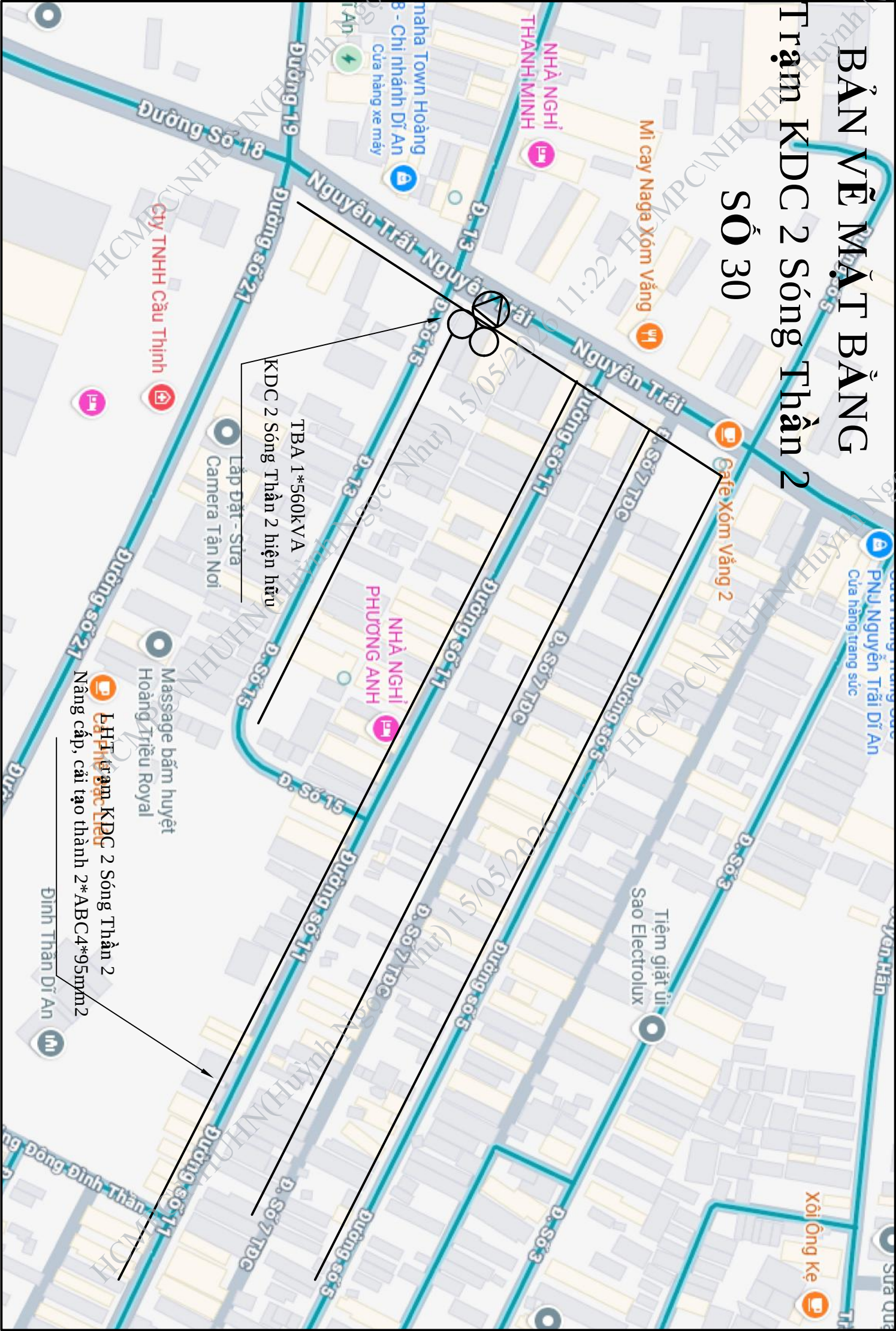




BẢN VẼ MẶT BẰNG

Trạm KDC 2 Sóng Thần 2

SỐ 30



BẢN VẼ MẶT BẰNG TTND Trừ ng Học Dĩ An SỐ 31



BẢN VẼ MẶT BẰNG
Cao Văn Năng

SỐ 32

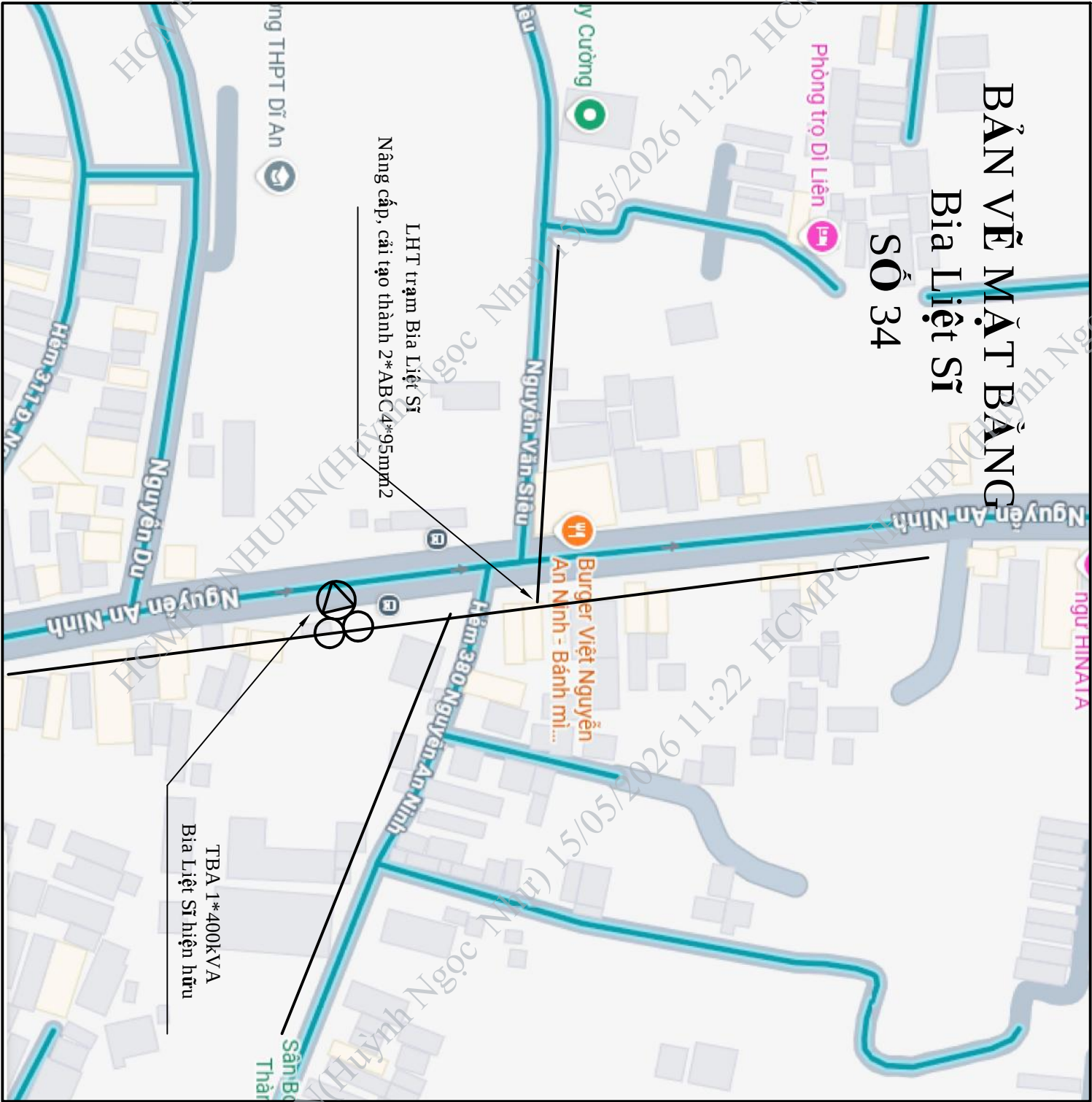
TBA 1*250kVA
Cao Văn Năng hiện hữu

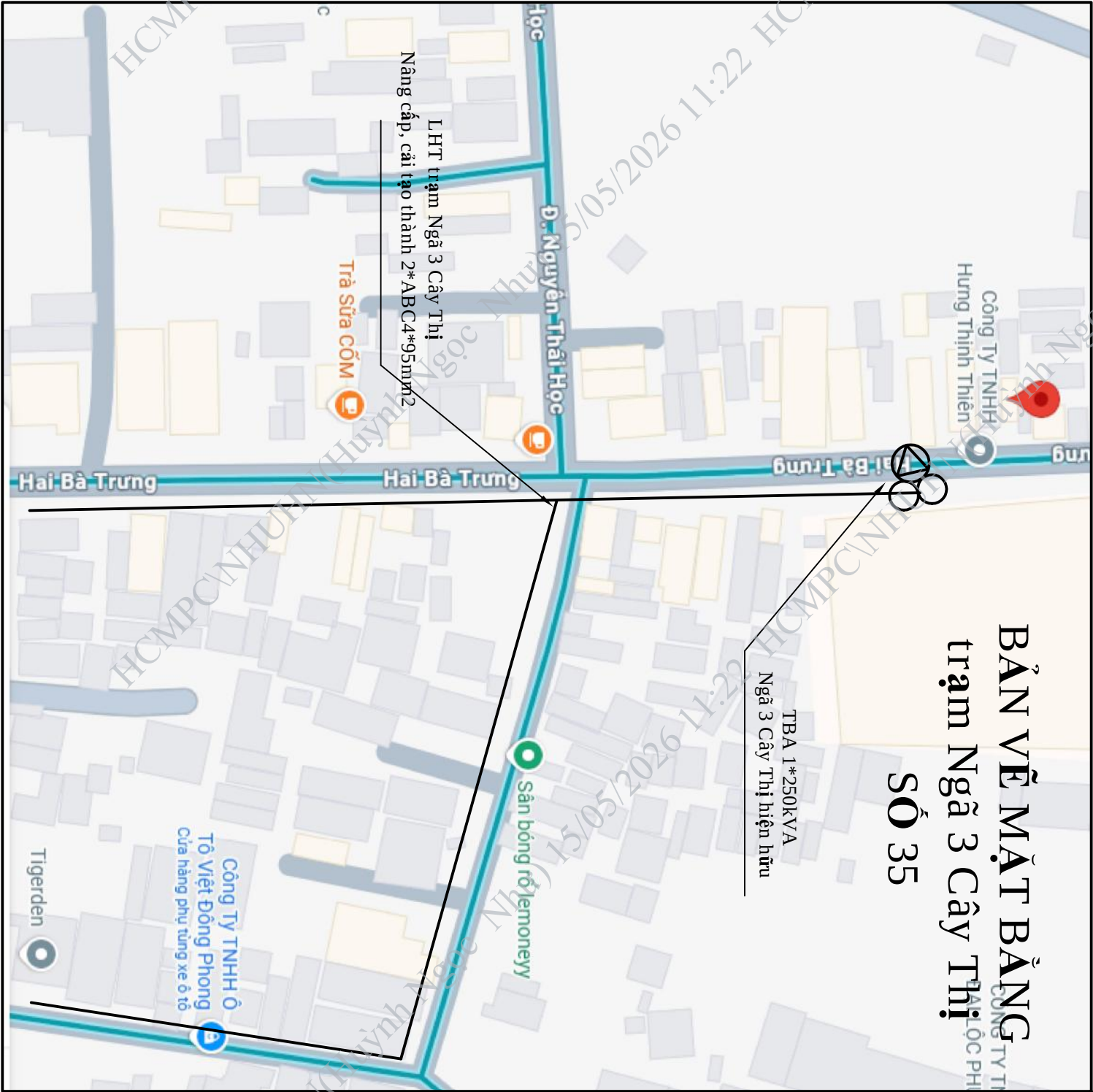
DT743C

LHT trạm Cao Văn Năng
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm²

Tien Ngan Bao Khang







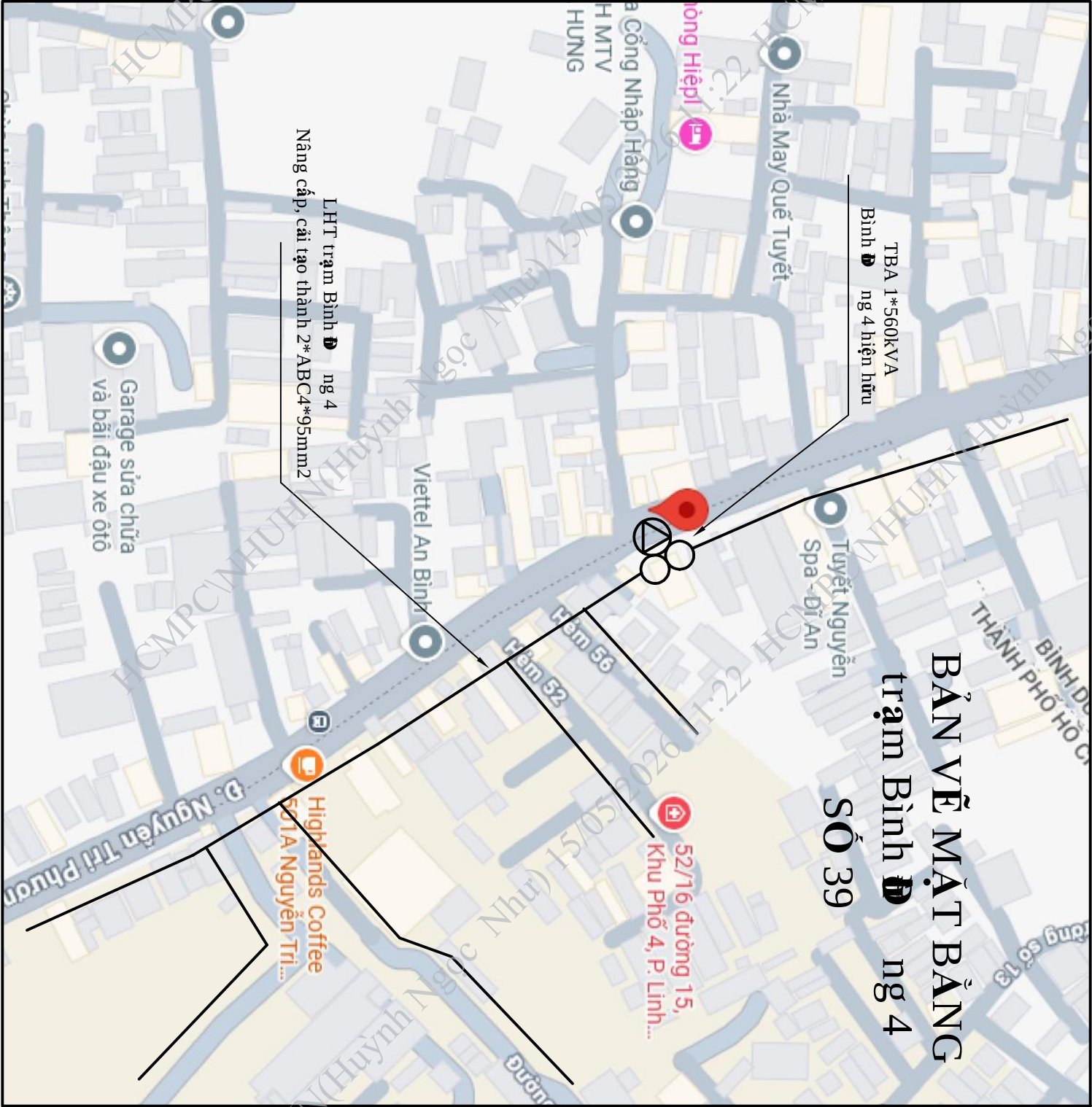
BẢN VẼ MẶT BẰNG
trạm Khu phố Nhị Đ ng

SỐ 36



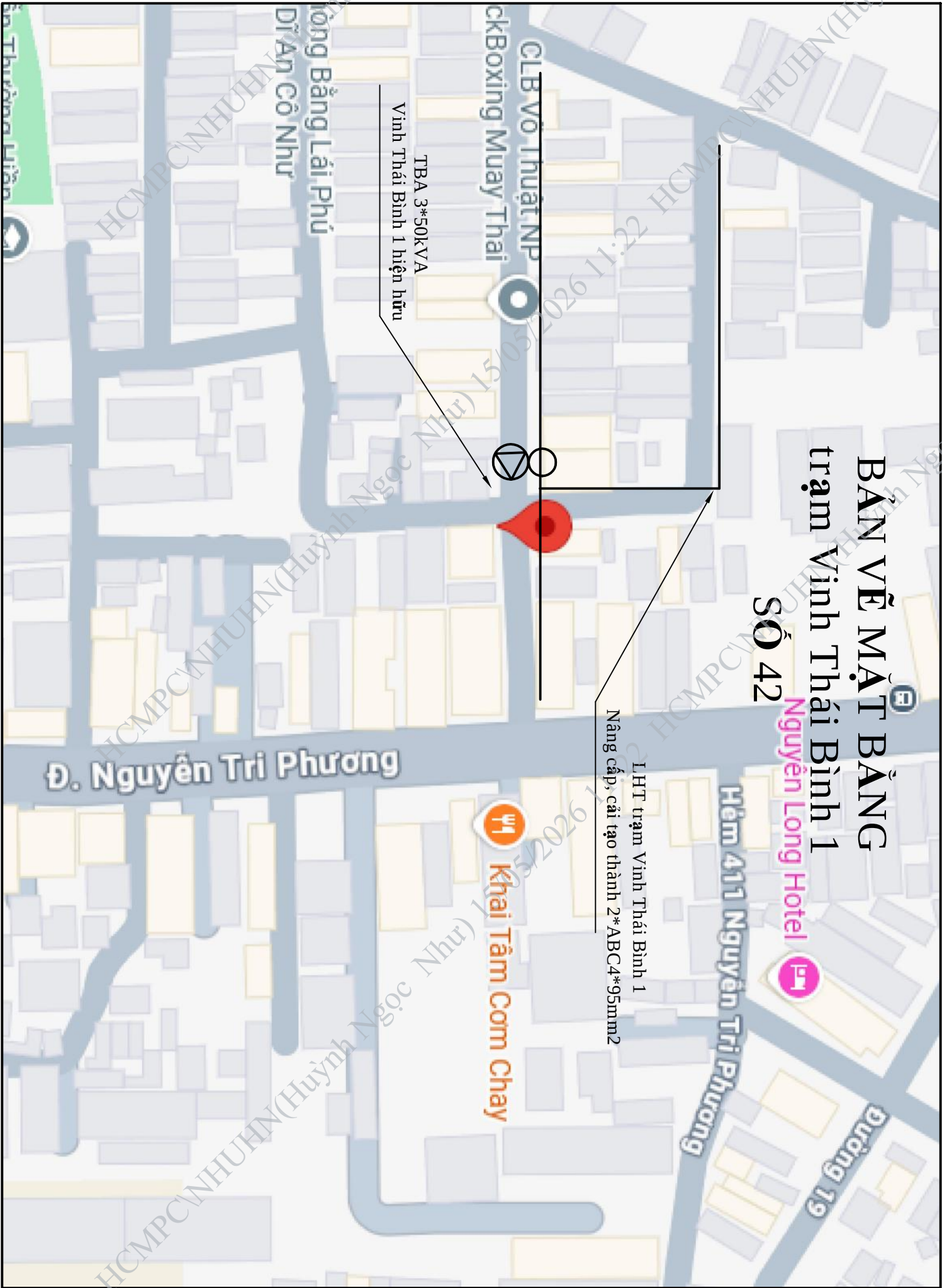
S037

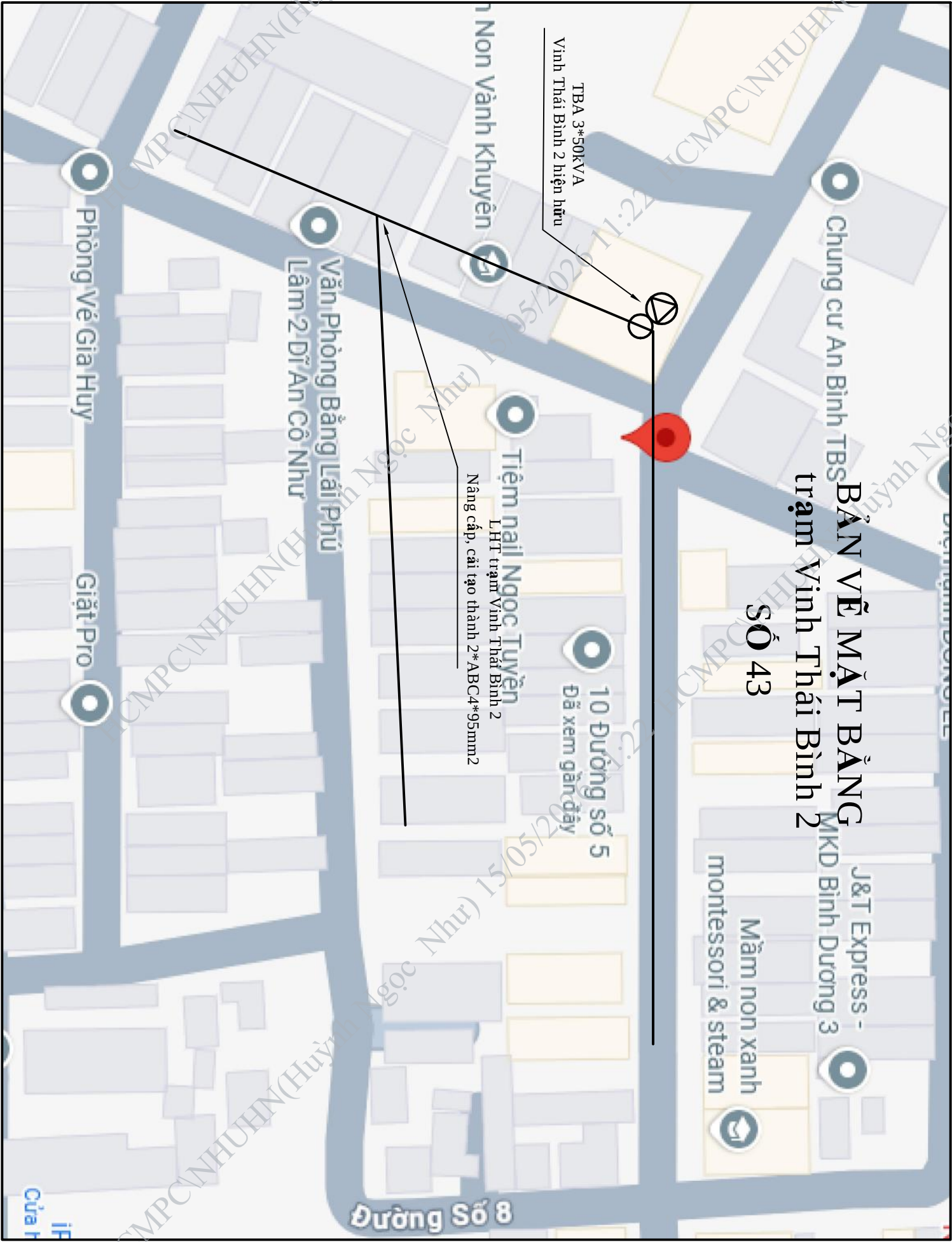






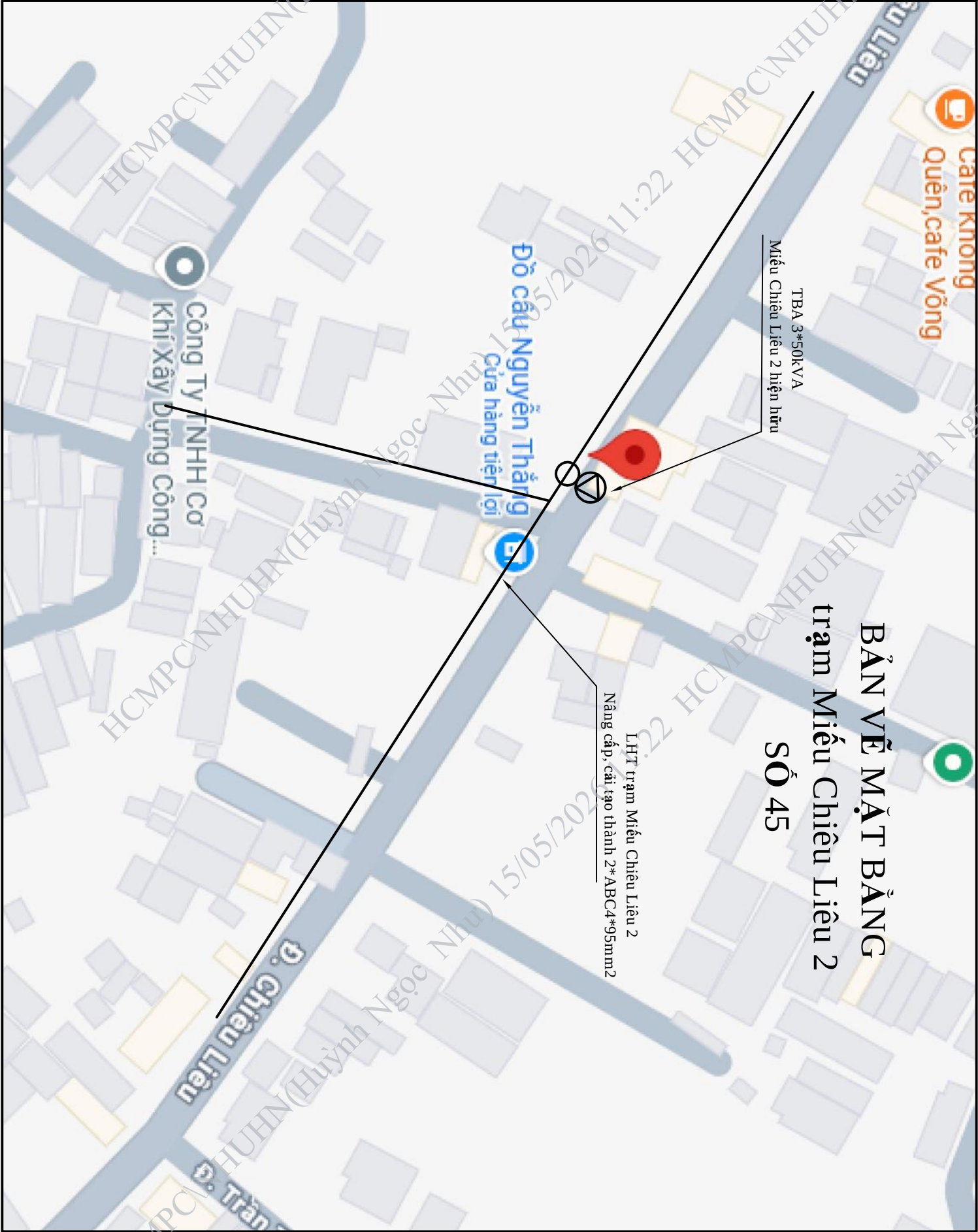


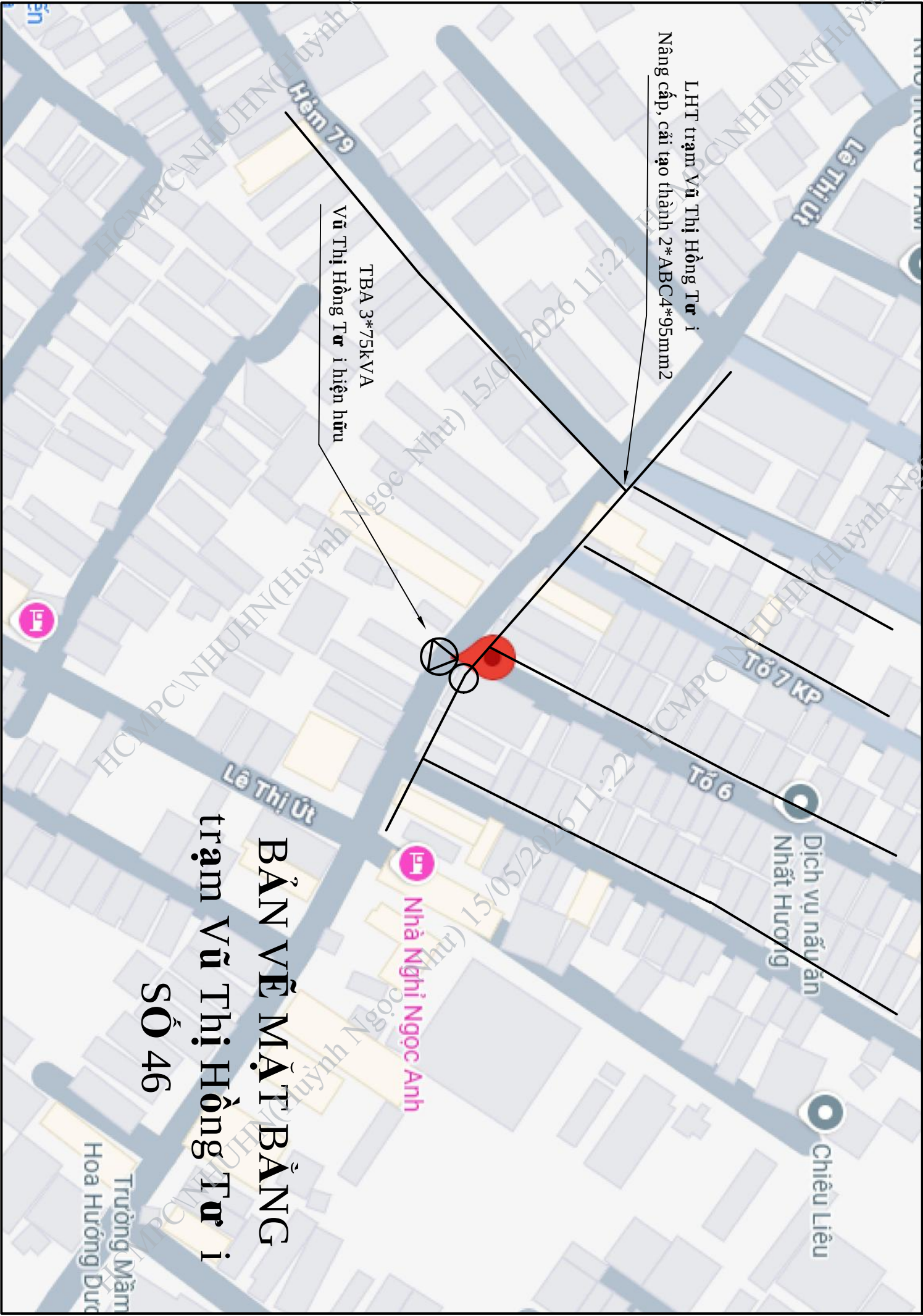






BẢN VẼ MẶT BẰNG
trạm Vinh Thái Bình 6
SỐ 44





BẢN VẼ MẶT BẰNG
trạm Khu Gia đình Quân Đoàn 4
SỐ 48
Nhà Hàng Hera Palace

TBA 1*250kVA
Khu Gia đình Quân Đoàn 4 hiện hữu

LHT trạm Khu Gia đình Quân Đoàn 4
Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm2

Dãy L khu tập
thể Quân Đoàn 4





BẢN VẼ MẶT BẰNG
trạm TTND ấp Tân Long
SỐ 50

TTND ấp Tân Long hiện hữu

TBA 1*400kVA

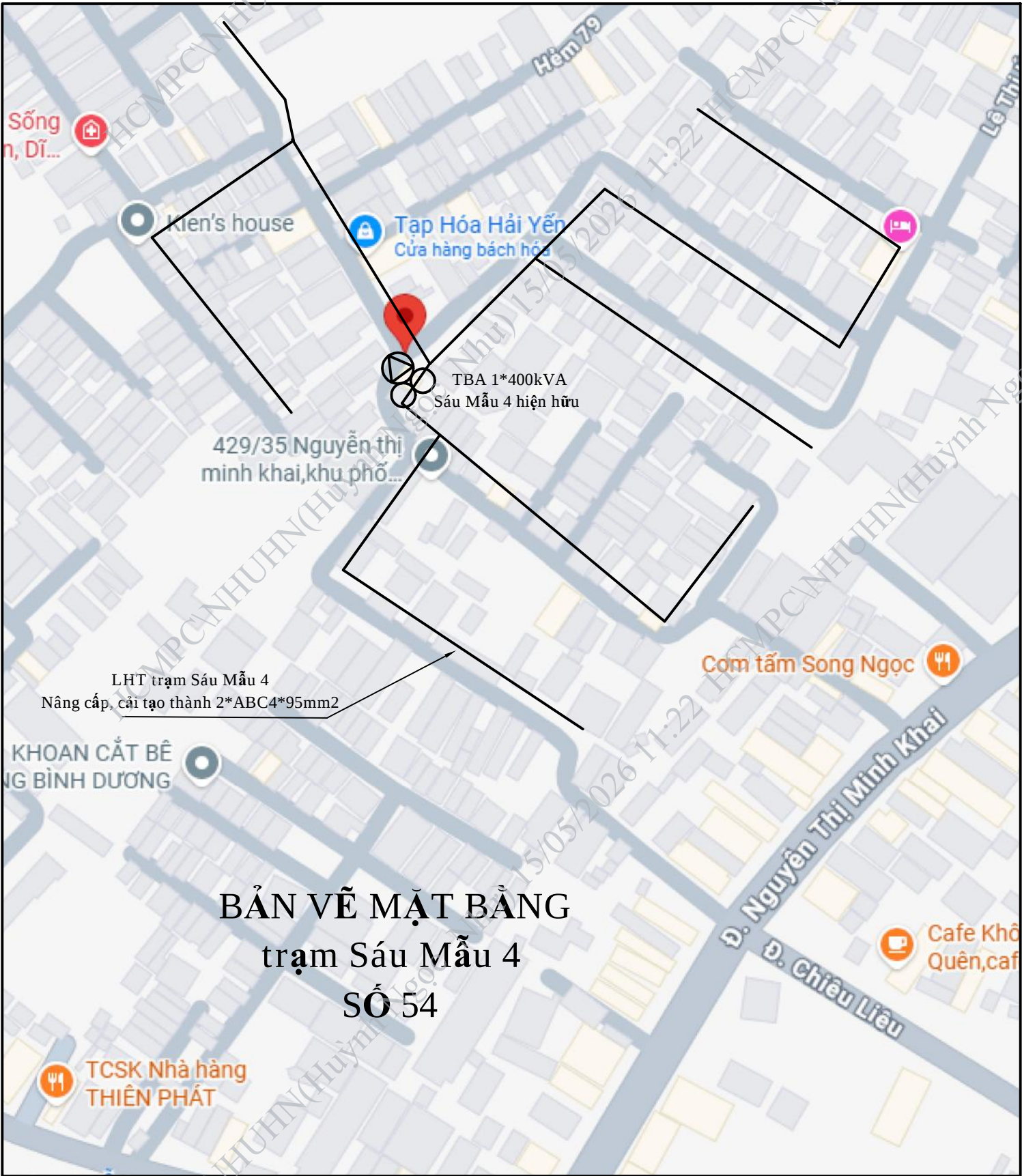
LHT trạm TTND ấp Tân Long

Nâng cấp, cải tạo thành 2*ABC4*95mm²





BẢN VẼ MẶT BẰNG
trạm TT Tây Hồ
SỐ 53



BẢN VẼ MẶT BẰNG
trạm Sáu Mẫu 4
SỐ 54